

Tham khảo Phần 3
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI
(1975 - 2018)

I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1986

1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

Hoàn cảnh lịch sử của thời kỳ sau năm 1975 là đất nước đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước có nhiều thuận lợi với sức mạnh tổng hợp, đồng thời cũng phải khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh. Điểm xuất phát của Việt Nam về kinh tế- xã hội còn ở trình độ thấp. Điều kiện quốc tế có thuận lợi đồng thời có xuất hiện những khó khăn thách thức mới. Các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ những khó khăn về kinh tế - xã hội và sự phát triển; các thế lực thù địch bao vây cấm vận và phá hoại sự phát triển của Việt Nam.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra nhưng nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 27-10-1975, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Hội nghị cử đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam.

Ngày 5 và 6-11-1975, tại Sài Gòn, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hội đồng

cố vấn Chính phủ và đại biểu các nhân sĩ, trí thức đã họp hội nghị liên tịch và cử đoàn đại biểu miền Nam gồm 25 thành viên do đồng chí Phạm Hùng dẫn đầu để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Bắc.

Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

Thực hiện chủ trương đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 23 triệu cử tri, đạt tỉ lệ 98,77% tổng số cử tri đi bầu, đã bầu ra 492 đại biểu gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang, các đại biểu tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc ít người và các tôn giáo... trên cả nước. Thắng lợi của công việc bầu cử thể hiện ý chí đoàn kết toàn dân tộc quyết tâm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước; Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội đã và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị-xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981

¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15, trang 623.

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi *Điều lệ Đảng*, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc.

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “*Một là*, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. *Hai là*, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra². *Ba là*, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt”³.

Ba đặc điểm chỉ ra, Việt Nam có đủ điều kiện đi lên và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhưng đó là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải phát huy cao độ tính chủ động, tự giác, sáng tạo trong quá trình cách mạng. Trong ba đặc điểm trên, đặc điểm đầu tiên là lớn nhất, quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn*

² Qua hàng chục năm chiến tranh, đế quốc Mỹ ném xuống nước ta 7.850.000 tấn bom đạn, trong đó có 451.260 tấn chất độc hoá học, 338 tấn bom napan làm gần 2 triệu người bị chết, hơn 2 triệu người bị tàn tật, 2 triệu người, trong đó có khoảng 5 vạn trẻ em dị dạng do bị nhiễm chất độc màu da cam. Miền Nam dưới chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ với hậu quả về chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội rất nặng nề. Ở miền Bắc hầu hết các thành phố, thị xã đều bị bom Mỹ tàn phá.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 37, trang 988.

an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”⁴. Trong đường lối chung thể hiện nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm 4 đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để “xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, vừa làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Trong điều kiện đó không thể áp dụng đầu đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 37, trang 998.

lần, tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông.

Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) được là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”. Theo đó, Hội đồng Chính phủ ra quyết định (10-1979) về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm; quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

Trước hiện tượng “khoán chui” trong hợp tác xã nông nghiệp ở một số địa phương, sau khi tổ chức thí điểm, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo Chỉ thị, mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu, cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán. Chủ trương đó được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng. Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976-1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981-1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.

Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng “xé rào” bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP (1-1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Những chủ trương trên đã tạo nên động lực mới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

Tháng 9-1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ đạo thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định những biện pháp bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp sau khi được Quốc hội thông qua.

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hoà bình, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ để xây dựng đất nước. Song chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá, buộc Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Việt Nam, Lào và Campuchia là ba nước láng giềng cùng trên bán đảo Đông Dương, cùng dòng sông Mê Công, cùng kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược từ cuối thế kỷ XIX cho đến năm 1975. Đoàn kết ba nước Đông Dương đã trở thành truyền thống tốt đẹp, là quy luật phát triển của từng nước và của cả ba nước.

Từ tháng 4-1975, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tăng cường chống Việt Nam. Ngày 3-5-1975, chúng cho quân đổ bộ chiếm Thổ Chu, Phú Quốc, sau đó tiến hành hàng ngàn vụ tấn công lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân

Việt Nam trên toàn tuyến biên giới Tây Nam bằng những hình thức vô cùng dã man. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần đề nghị đàm phán ở bất cứ cấp nào, thời gian nào, ở mọi nơi để giải quyết xung đột nhưng tập đoàn Pôn Pốt đều từ chối. Cuối tháng 12-1978, chính quyền Pôn Pốt huy động tổng lực tiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam với mục tiêu nhanh chóng tiến sâu vào nội địa Việt Nam.

Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân Việt Nam đã đánh trả, tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi. Thử theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, từ ngày 26-12-1978, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Campuchia tổng tiến công, đến ngày 7-1-1979 giải phóng Phnôm Pênh, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước. Hành động đó của Việt Nam là chính nghĩa và cũng xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng được ghi nhận trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng về chính trị, kinh tế, văn hóa, có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong lịch sử cách mạng, hai Đảng và nhân dân hai nước đã đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Trong kháng chiến chống Pháp xâm lược và chống Mỹ, cứu nước (1945-1975), nhân dân Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ, giúp đỡ toàn diện, to lớn và quý báu. Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam luôn biết ơn về sự giúp đỡ quý báu đó.

Năm 1978, Trung Quốc tuyên bố rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lần chiếm dẫn đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam từ năm 1978 đã làm cho quan hệ Trung Quốc-Việt Nam xấu đi rõ rệt. Ngày 17-2-1979, Trung Quốc huy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những thiệt hại rất nặng nề. Ngày 5-3-1979, Chủ tịch Tôn Đức Thắng ra lệnh Tổng động viên toàn quốc. Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cường chiến đấu bảo vệ đất nước. Ngày 5-3-1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân, nhưng chưa từ bỏ hoạt động chống phá trên tuyến biên giới, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của quân, dân ta vẫn diễn ra trong nhiều năm sau đó, đặc biệt là trên mặt trận Vị Xuyên, Hà Giang ngày 12-7-1984. Từ ngày 18-4-1979 về sau, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác, khôi phục hoà bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Đồng thời, quân dân cả nước cũng đấu tranh thắng lợi làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của lực lượng phản động FULRO vũ trang ở Tây Nguyên, lực lượng lưu vong vũ trang xâm nhập về nước, bảo vệ vững chắc mọi thành quả của cách mạng.

Sau 5 năm 1975-1981, quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới và đã khắc phục một phần hậu quả chiến tranh và thiên tai liên tiếp gây ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản việc

xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, phong kiến. Ở miền Bắc, bước đầu có sự cải tiến đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn với các đội chuyên, làm khoán. Tuy nhiên, kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra: lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4-5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng “xé rào”, ”khoán chui”. Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng...

Những khó khăn trên có nguồn gốc sâu xa từ nền kinh tế thấp kém, thiên tai nặng nề liên tiếp xảy ra, chiến tranh biên giới và chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của Mỹ và các thế lực thù địch. Tuy nhiên về chủ quan, do những khuyết điểm, sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn trên. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tự phê bình về những khuyết điểm và sai lầm của đó trước Đại hội V của Đảng.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986

Đại hội V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi và khó khăn của đất nước, những biến động của tình hình thế giới; khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra. Ngoài thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, xây dựng Đảng... Đại hội V đã bổ sung đường lối chung do Đại hội IV đề ra những quan điểm mới:

Khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đó là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường. Hiện nay nước ta đang ở chặng đường đầu tiên với nội dung kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội rất nặng nề. Chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến những năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở

vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. “Kinh nghiệm của 5 năm 1976-1980 cho thấy phải cụ thể hoá đường lối của Đảng-đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vạch ra chiến lược kinh tế, xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa”⁵. Chặng đường trước mắt trong những năm 80 là ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu; đáp ứng nhu cầu của quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội.

Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. “Trong khi không một phút lơ lửng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁶.

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý. Nhận thức đó phù hợp với thực tiễn nước ta, khai thác và phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề..., làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho chặng đường tiếp theo.

Đại hội V đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại. Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Đường lối chung là hoàn toàn đúng đắn; khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện, nên đã không có được những sửa chữa đúng mức và cần thiết. Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối; vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm; vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan; không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, trang 53.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982, trang 42.

Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Sau Đại hội V, Trung ương Đảng có nhiều Hội nghị cụ thể hoá, thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nổi bật là Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay: Một là, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; Hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Nổi bật nhất là Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp trong giá và lương là tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm; giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thoả đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy; xoá bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ; thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống, khắc phục tình trạng thả nổi trong việc định giá và quản lý giá. Thực hiện cơ chế một giá, xoá bỏ chế độ bao cấp bằng hiện vật theo giá thấp, chuyển mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Giá, lương, tiền coi là khâu đột phá để chuyển đổi cơ chế. Thực hiện trả lương bằng tiền có hàng hoá bảo đảm, xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hoá. Xoá bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương, địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực chất, các chủ trương của Hội nghị Trung ương 8 đã thừa nhận sản xuất hàng hoá và những quy luật sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế quốc dân. Trong quá trình tổ chức thực hiện lại mắc những sai lầm như vội vàng đổi tiền và tổng điều chỉnh giá, lương trong tình hình chưa chuẩn bị đủ mọi mặt. Cuộc điều chỉnh giá, tiền, lương đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng sâu sắc hơn.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế*, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

Về *cơ cấu sản xuất*, Hội nghị cho rằng, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dầm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm sút, chi phí sản xuất không ngừng tăng lên, tình hình kinh tế-xã hội ngày càng không ổn định. Đây cũng là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng chậm giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu. Cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp

độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đặc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đó là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

Về cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá-tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Những kết luận trên đây là kết quả tổng hợp của cả quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm mới và quan điểm cũ, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được trình bày trong bản kết luận đã định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo chính trị để trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thay cho bản Dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị trước đó vẫn còn giữ lại nhiều quan điểm cũ không phù hợp với yêu cầu trước mắt là khắc phục cho được khủng hoảng kinh tế-xã hội.

Tổng kết 10 năm 1975-1986, Đảng đã khẳng định 3 thành tựu nổi bật: Thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước; đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Những thành tựu trên đã tạo cho cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên. Sai lầm, khuyết điểm nổi bật là không hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; nền kinh tế luôn trong tình trạng thiếu hụt, không có tích lũy; lạm phát tăng cao và kéo dài. Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin đối với Đảng, Nhà nước,

chế độ giảm sút nghiêm trọng.

Nguyên nhân khách quan dẫn đến khủng hoảng kinh tế-xã hội do xây dựng đất nước từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bị bao vây, cấm vận nhiều năm, nguồn viện trợ từ nước ngoài giảm mạnh; hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì chiến tranh ở biên giới ở hai đầu đất nước làm nảy sinh những khó khăn mới. Về chủ quan là do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn phá hoại nhiều mặt của địch.

Ngày 10-7-1986, Tổng Bí thư Lê Duẩn qua đời. Ngày 14-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị bất thường bầu đồng chí Trường Chinh giữ chức Tổng Bí thư của Đảng và chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội VI của Đảng

Các bước đột phá tháng 8-1979, tháng 6-1985 và tháng 8-1986 phản ánh sự phát triển nhận thức từ quá trình khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ sáng kiến và nguyện vọng lợi ích của nhân dân để hình thành đường lối đổi mới.

II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1986-2018

1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện.

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế- xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, khởi xướng đường lối toàn diện, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 124 ủy viên chính thức, bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức; bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của

những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đại hội rút ra bốn bài học quý báu: *Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. *Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Đại hội VI nhấn mạnh: “Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”⁷.

Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb CTQG, Hà Nội 2006, Tập 47, tr380

diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng.

Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, tạo bước ngoặt cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn (12-1991). Sự sụp đổ đó gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với thế giới và Việt Nam. Viện trợ và quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu với nước ta bị thu hẹp nhanh. Trên diễn đàn quốc tế, Mỹ và các thế lực thù địch lấy cớ quân tình nguyện Việt Nam chưa rút khỏi Campuchia, tiếp tục bao vây, cấm vận, cô lập, tuyên truyền chống Việt Nam. Họ còn dung dưỡng các tổ chức phản động người Việt từ nước ngoài trở về Việt Nam gây bạo loạn, lật đổ⁸. Từ sau năm 1979, quân đội Trung Quốc vẫn còn bắn pháo, gây hấn trên một số vùng biên giới phía Bắc, nhất là mặt trận Vị Xuyên (Hà Giang). Cao điểm nhất, tháng 3-1988, Trung Quốc cho quân đội chiếm đảo Gạc Ma và các bãi cạn Châu Viên, Chữ Thập, Tư Nghĩa, ... trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Trên thực tế cuộc chiến tranh chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc kéo dài 10 năm từ 1979 đến 1989.

Ở trong nước, những năm 1987-1988, khủng hoảng kinh tế-xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn. Sự dao động về tư tưởng chính trị, giảm sút niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa ngày càng lan rộng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật là ở các lĩnh vực sau:

Những năm 1987-1988, đất nước vẫn đang khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng. Phân phối, lưu thông rối ren, lạm phát ở mức cao. Do thiên tai, mất mùa nên kỳ giáp hạt

⁸ Cuộc hành quân “Đông tiến 1” năm 1986 do Hoàng Cơ Minh cầm đầu bị nhân dân Lào phối hợp với Việt Nam đập tan: 65 tên bị tiêu diệt, 67 tên bị bắt sống, chỉ còn 15 tên chạy thoát về Thái Lan.

năm 1988, nhiều nơi từ miền Trung trở ra rất thiếu đói. Hội nghị Trung ương 2 (4-1987) chủ trương về một số biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông. Trọng tâm là thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân; mở rộng giao lưu hàng hoá, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông; thực hiện cơ chế một giá và chế độ lương thống nhất cả nước; giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực; chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Quyết định số 217-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (14-11-1987) trao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp.

Trong nông nghiệp nổi bật là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (gọi tắt là Khoán 10). Theo đó, người nông dân được nhận khoán và canh tác trên diện tích ổn định trong 15 năm; bảo đảm có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên. Lần đầu tiên *Luật Đầu tư nước ngoài* được Quốc hội khóa VIII thông qua, có hiệu lực từ ngày 1-1-1988.

Trong công nghiệp, xoá bỏ chế độ tập trung, bao cấp, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ, giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Nhà máy thủy điện Hòa Bình phát điện tổ máy số 1. Liên doanh dầu khí Việt-Xô khai thác những thùng dầu thô đầu tiên.

Hội nghị Trung ương 2 (4-1987) đề ra những chủ trương, biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông, thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân. Mở rộng giao lưu hàng hoá, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông. Thực hiện cơ chế một giá; thực hiện chế độ lương thống nhất trong cả nước; giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt bằng cách tăng thu, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực. Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế. Nâng cao vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Các chủ trương trên thể hiện tư duy đổi mới quan trọng về kinh tế của Đảng và đã có kết quả nhanh chóng. Đến năm 1991 lạm phát từ 774,7% năm 1986 giảm còn 67,1%. Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xoá bỏ. Lương thực, từ chỗ thiếu triền miên, năm 1988 phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, đến năm 1989 đã đáp ứng được nhu cầu, có dự trữ và xuất khẩu. Hàng tiêu dùng đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh hơn trước.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các

nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện, gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với thế giới và Việt Nam. Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) chính thức dùng khái niệm *hệ thống chính trị*, đề ra những chủ trương cụ thể và xác định sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới⁹:

Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu ở nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của các tổ chức trong hệ thống chính trị¹⁰.

Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ; dân chủ với nhân dân, nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.

Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Để chỉ đạo công tác tư tưởng trong bối cảnh tác động xấu từ sự khủng hoảng ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu¹¹; kịp thời ngăn chặn các hoạt động chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch hòng xoá bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc, đề ra nhiệm vụ của Đảng ta. Trung ương chỉ rõ cần nhận rõ nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do việc xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội còn một số nhược điểm và khuyết điểm: cải tạo xã hội chủ nghĩa nóng vội, hình thức sở hữu thiếu đa dạng; cơ chế quản lý tập trung nặng về hành chính mệnh lệnh và bao cấp; phủ nhận hoặc coi nhẹ kinh tế hàng hoá; hệ thống chính trị tập trung quan liêu làm suy yếu nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân...; Những nhược điểm và khuyết điểm của mô hình nói trên kéo dài quá lâu và ngày càng nặng nề, cộng với nhiều sai lầm khác ở nước này hay nước khác tích tụ dẫn đến khủng hoảng nói trên. Hai nguyên nhân trực tiếp dẫn đến khủng hoảng: *Một là*, những quan điểm, khuynh hướng sai lầm, hữu khuynh của một số người lãnh đạo Liên

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 49, trang 591.

¹⁰ Từ Hội nghị này, trong các văn kiện Đảng dùng khái niệm *hệ thống chính trị* thay việc dùng khái niệm *hệ thống chuyên chính vô sản* trước đây.

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 50, trang 58.

Xô trong quá trình cải tổ. *Hai là*, các thế lực đế quốc và phản động quốc triệt để khai thác những sai lầm, khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để tăng cường can thiệp, phá hoại, thực hiện diễn biến hoà bình. Cuộc khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang tác động tiêu cực đến cách mạng nước ta, làm một số người hoài nghi đối với chủ nghĩa xã hội, giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Một số ít phần tử cơ hội, bất mãn đẩy mạnh hoạt động chống lại sự lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, gây mất ổn định tình hình. Những người cộng sản Việt Nam cần rút ra những bài học cần thiết từ sự khủng hoảng đó, đổi mới nhận thức về mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; Đảng phải tích cực đổi mới, nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của mình; cần cảnh giác và kiên quyết chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại. Đó là việc ưu tiên giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế; kiên quyết thực hiện chính sách “thêm bạn, bớt thù”; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, vì hoà bình và phát triển ở khu vực và trên thế giới¹². Trước hết là bình thường hoá quan hệ Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Hoa Kỳ; từng bước xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước Đông Nam Á, thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam và các nước Châu Âu. Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam là sớm tiến hành những bước đầu tiên giải quyết bất đồng với các nước nhưng luôn kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Để thực hiện chủ trương đó, từ tháng 5-1988, Việt Nam tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ tư lệnh quân tình nguyện ở Campuchia về nước và rút hết quân tình nguyện về nước vào tháng 9-1989, sớm hơn một năm theo kế hoạch đã định.

Nhằm thực hiện đổi mới tư duy của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng¹³. Điểm nổi bật yêu cầu Đảng phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy, cụ thể hoá kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đất nước sau hơn 4 năm đổi mới cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 50, trang 77- 78.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 49, trang 261.

bỏ chưa được giải quyết.

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho trên hai triệu đảng viên cả nước. Ngoài các văn kiện chính của một Đại hội Đảng, điểm mới nổi bật của Đại hội VII là thông qua hai văn kiện quan trọng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược, ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000. Đại hội đã bầu 146 ủy viên Trung ương, Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí, bầu đồng chí Đỗ Mười làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội VII khẳng định nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988: 393,3%, năm 1990 còn 67,4%.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn. Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh đã trình bày xu thế phát triển của thế giới, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹⁴.

Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm. Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu; phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 134.

Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại. “*Mục tiêu tổng quát* phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”¹⁵.

Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Đại hội VII lần đầu tiên thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000*, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là: Phát triển kinh tế-xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới: *Một là*, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. *Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là*, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội. *Bốn là*, tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp. *Năm là*, trong quá

¹⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 136.

trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân”¹⁶.

Đại hội VII của Đảng là “*Đại hội của trí tuệ-đổi mới, dân chủ-kỷ cương-đoàn kết*” hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Theo chỉ đạo của Đảng, sau Đại hội toàn Đảng, toàn dân đã sôi nổi thảo luận và kỳ họp thứ 11 (4-1992), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 1992

Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và bước đầu triển khai thực hiện Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991-1996, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật trên những lĩnh vực chủ yếu.

Để coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và có cách nhìn toàn diện, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông thôn nước ta qua những năm đầu đổi mới, Hội nghị Trung ương 5 (6-1993), đưa ra các chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn¹⁷. Trung ương xác định ba mục tiêu chủ yếu là: với ba mục tiêu chủ yếu: Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân; có hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; tăng cường đoàn kết và ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Điểm mới trong chủ trương này của Đảng là đề ra các quan điểm, nhiệm vụ xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, khơi dậy mọi tiềm năng, nội lực của nông dân. Trung ương đã đưa ra quan điểm, những phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới, xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện.

Trên cơ sở phân tích tình hình công nghiệp, công nghệ và giai cấp công nhân những năm qua, tình hình thuận lợi và khó khăn trước mắt, Hội nghị Trung ương 7 (7-1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 208.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 52, trang 695.

cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp phát triển công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Trung ương đã chỉ ra các nhiệm vụ và giải pháp tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.

Kết quả, sau 5 năm 1991-1995, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5-6,5%). Đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

Sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến phức tạp; đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới. Hội nghị Trung ương 3 (6-1992) đã thảo luận và đưa ra ba quyết sách quan trọng, đúng đắn về củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các lực lượng vũ trang gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Trong tình hình mới phải phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, đề cao cảnh giác, kiên quyết chống lại những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Đảng, Nhà nước chủ trương mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc.

Những chủ trương trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới. Từ tháng 11-1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ và từng bước khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ngày 28-7-1995 (ASEAN) và thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ ngày 11-7-1995. Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ buôn bán với trên 100 nước... Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào

Việt Nam. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển. Ngày 28-7-1994, Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước về Luật biển 1982 của Liên hiệp quốc.

Hội nghị Trung ương 3 (6-1992), lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng¹⁸. Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh giữ vững ổn định chính trị. Nguyên tắc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng: xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức, tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác dân vận; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất. Ngày 17-11-1993, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07 về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhấn mạnh đại đoàn kết lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, vì lợi ích chung của dân tộc; cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng

Trước sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, lần đầu tiên Đảng tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1-1994). Hội nghị khẳng định, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, song Đảng đã mạnh dạn tìm tòi và giành thắng lợi quan trọng. Điều cơ bản có tính chất quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Ngoài việc cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và bầu bổ sung 20 ủy viên Trung ương Đảng mới để thay thế cho số ủy viên Trung ương sức khỏe yếu hoặc bị kỷ luật, nhận thức mới của Hội nghị giữa nhiệm kỳ là chỉ rõ trước mắt, nhân dân ta trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 52, trang 188.

về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, nhân dân ta cần cù, thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới, sự phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và khu vực mang đến cho chúng ta thêm những nguồn lực quan trọng.

Lần đầu tiên trong Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hội nghị Trung ương 8 (1-1995) đã cụ thể hóa một bước chủ trương đó và chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước¹⁹. Nhận thức mới của Đảng là: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII, với quan điểm coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng, Hội nghị Trung ương 4 đã ban hành 5 Nghị quyết liên quan đến chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người: Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; Về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt; Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân; Về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Các nghị quyết trên cho thấy quan điểm cách mạng và nhân văn của Đảng: Tất cả là do con người, tất cả vì hạnh phúc con người, chúng ta coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; đồng thời, coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất.

2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế 1996-2018

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá 1996-2001

Đại hội VIII họp tại Hà Nội, từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, trong bối cảnh cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao hơn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào. Sau 10 năm đổi mới, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị

¹⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 54, trang 161.

bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Lạm phát từ 67,1% năm 1991 giảm còn 12,7% năm 1995.

Dự Đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho hơn 2,1 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng và bầu đồng chí Đỗ Mười tiếp tục làm Tổng Bí thư. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VIII đã bổ sung đặc trưng tổng quát về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* và nổi bật những vấn đề trọng tâm sau:

Tổng kết 10 năm đổi mới (1986-1996) đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. “Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc và kéo dài, dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này, hay lĩnh vực khác, ở mức độ này, hay mức độ khác”²⁰. Đại hội nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới: *Một là*, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới. *Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. *Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc. *Năm là*, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại. *Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Quan điểm về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới gồm: 1) Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. 2) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. 3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. 4) Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định. 5) Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. 6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Đảng phải tiếp tục sự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, trang 356.

viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau Đại hội VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp nhiều lần, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật là:

Quan điểm của Đảng: coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần kiệm để công nghiệp hoá, khắc phục xu hướng chạy theo “xã hội tiêu dùng”. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác hoá, dân chủ hoá. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hoá hệ thống tài chính-tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế- xã hội.

Vượt qua khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực từ tháng 7-1997, với các chủ trương trên về kinh tế, cho đến năm 2000, kinh tế đất nước tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 13,5%. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng, nhưng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém; Hội nghị Trung ương 3 (6-1997) đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh²¹. Trung ương nhấn mạnh ba yêu cầu lớn: *Một là*, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân. *Hai là*, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy, phục vụ nhân dân. *Ba là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nhiệm vụ và giải pháp lớn là: mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa,

²¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 56, trang 306.

phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các biện pháp tổ chức thực hiện. Tăng cường xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước²². Chủ trương của Đảng là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Tiêu chuẩn chủ yếu của cán bộ là: Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối, của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ. Các tiêu chuẩn đó quan hệ mật thiết với nhau, coi trọng cả đức và tài, lấy đức là gốc. Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (12-1997) bầu đồng chí Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư.

Thực hiện tự phê bình và phê bình kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (2-9-1969 - 2-9-1999) và kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng (3-2-1930 - 3-2-2000), Hội nghị Trung ương 6 lần 2 (2-1999) đã ra Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng²³. Trong đó yêu cầu tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi 4 nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Kiên định những quan điểm có tính nguyên tắc sau: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận “đa nguyên, đa đảng”. Nhà nước Việt Nam là nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, Hội nghị Trung ương 7 khóa VIII (8-1999) đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của các cơ quan của Quốc hội, của Chính phủ và chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

Trước tình hình mất dân chủ xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương vào năm 1997, tháng 2-1998, Bộ Chính trị đã kịp thời ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW về Quy chế dân chủ. Sau đó, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức trong hệ thống chính trị đã

²² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 56, trang 332.

²³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 56, trang 332.

phối hợp ban hành *Quy chế dân chủ* ở các loại hình tổ chức cơ sở, ở xã, phường, thị trấn, ở các cơ quan, đơn vị và trên các lĩnh vực trên cả nước.

Để đáp ứng yêu cầu tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12-1996) đã ban hành hai nghị quyết quan trọng, nhấn mạnh coi giáo dục-đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000²⁴ đã xác định quan điểm: Xây dựng con người những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục-đào tạo. Coi giáo dục-đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng công đồng, từng tập thể. Phát triển giáo dục-đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, những tiến bộ khoa học-công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá²⁵ là: Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu nghiên cứu, tổng kết quá trình đổi mới đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng-an ninh. Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà, từng bước hình thành nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam.

Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới. Văn hóa Việt Nam tiếp tục được phát huy, đã góp phần quyết định vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới. Theo chương trình toàn khóa VIII, Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7-1998) đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trung ương nhấn mạnh quan điểm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyên

²⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, trang 716.

²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, trang 741.

tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đình-làng xã-Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lề thói cũ.

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. 54 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng nhưng bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng. Kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi sự lợi dụng văn hóa để thực hiện “diễn biến hòa bình”.

Mười nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển văn hóa là: Xây dựng con người Việt Nam; xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học-nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo và khoa học-công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa;

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, phong trào thi đua yêu nước “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa” được phát động rộng rãi trên cả nước, trên nhiều lĩnh vực góp phần làm chuyển biến phong phú thêm đời sống tinh thần toàn xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước 2001-2006

Đại hội IX của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001, là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, một nước lớn lợi dụng chống khủng bố, tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước. Khu vực Đông Nam Á, châu Á-Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà Đại hội VIII đề ra là 9-10% đã không đạt. Các nguy cơ mà Hội nghị giữ nhiệm kỳ của Đảng (1-1994) đã nêu ra vẫn là những thách thức lớn của cách mạng nước ta.

Dự Đại hội IX có 1.168 đại biểu, thay mặt cho hơn 2,2 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, trong đó có *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010*; *xác định rõ những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh* và đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 150 ủy viên, Bộ Chính trị có 15 đồng chí; đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Ngoài những nội dung tiếp tục đổi mới toàn diện, các văn kiện của Đại hội IX nổi bật với những nhận thức mới về con đường xã hội ở nước ta:

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người ba dấu ấn cực kỳ sâu sắc: Khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy; diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu; đầu thế kỷ phong trào cách mạng phát triển rộng toàn thế giới, cuối thế kỷ, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào. Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra bước ngoặt của cách mạng Việt Nam; thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kết quả thực hiện Chiến lược ổn định phát triển kinh tế-xã hội 1991-2000 đã đưa GDP của nước ta từ 15, 5 tỷ USD năm 1991 tăng vượt hơn gấp đôi vào năm 2000, đạt trên 35 tỷ USD. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm tiếp theo (2001-2010) với mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

Đại hội khẳng định những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học: Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đảng và nhân dân quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”²⁶. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

²⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 83.

Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế.

Quan hệ các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng, Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, chủ yếu phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.*

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước

trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hoá Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

Trong toàn khóa IX, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, nổi bật nhất là những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Đến năm 2001, Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và đã đạt nhiều kết quả làm tăng thể và lực của đất nước. Tuy nhiên, doanh nghiệp nhà nước cũng còn những mặt hạn chế, yếu kém, có mặt rất nghiêm trọng. Hội nghị Trung ương 3 (9-2001) đã chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước²⁷, tạo bước phát triển mới, tạo thể và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua 5 năm 1996-2001, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới dưới nhiều hình thức, trình độ khác nhau trong các ngành, lĩnh vực, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn đã có đổi mới, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tuy nhiên, kinh tế tập thể hiện nay còn nhiều mặt yếu kém, năng lực nội tại hạn chế; hiệu quả ít; kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong GDP, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò của mình. Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã thống nhất nhận thức về sự cần thiết phát triển kinh tế tập thể²⁸ và chủ trương xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách; nâng cao vai trò quản lý của nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể.

Qua 10 năm 1991-2001, kinh tế tư nhân gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân đã phát triển rộng khắp trong cả nước, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế. Tuy vậy, kinh tế tư nhân nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém: quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu và gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế hoạt động. Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã thảo luận, thống nhất nhận thức coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Trung ương quyết định tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Kể từ Luật đất đai sửa đổi năm 1988, những đổi mới trong chính sách, pháp luật về đất đai hơn 15 năm qua đã đưa đến những kết quả tích cực, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng đất đai hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém và nhiều vấn đề bức xúc. Đất đai chưa được chuyển dịch hợp lý, hiệu quả sử dụng còn thấp. Tình trạng người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai và tình hình khiếu kiện về đất đai diễn ra nghiêm trọng và phổ biến; việc thu hồi đất, đền bù giải toả mặt bằng thực hiện hết sức khó khăn. Hội nghị Trung ương 7 (3-2003)²⁹ đã thống nhất nhận thức coi đất đai là tài

²⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 60, trang 599.

²⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 61, trang 218.

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, trang 68.

nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hoá đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Trung ương chủ trương tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đảng Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho cá nhân.

Qua 15 năm đổi mới, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân nhìn chung có nhiều mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản. Tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ. Hội nghị Trung ương 5 (3-2002) đã đưa ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới³⁰. Trung ương nhấn mạnh cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; chủ động tiến công, làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Qua 10 năm công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng. Tuy vậy, việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chế, yếu kém. Nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thống nhất và chưa đạt được chiều sâu tư tưởng, lý luận. Chậm đưa tư tưởng Hồ Chí Minh thành môn học trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh thiếu sinh động; chưa gắn với giải quyết những vấn đề thực tiễn; việc đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa chủ động, kịp thời và sắc bén. Ngày 27-3-2003, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới nhằm làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta.

Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững ổn định chính trị-xã hội của đất nước. Tuy nhiên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa thật bền chặt và đứng trước những thách thức mới. Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc, phần vì đời sống còn khó khăn, vì bất bình trước những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến và nghiêm trọng, kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi không nghiêm, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi rất gay gắt. Việc tập

³⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 61, trang 309.

hợp nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế. Hội nghị Trung ương 7 (3-2003) đã ban hành ba Nghị quyết quan trọng.

Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”³¹. Trung ương khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm phát triển bền vững đất nước. Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Nghị quyết đề cập toàn diện và tổng thể vấn đề dân tộc ở nước ta, tập trung vào những nội dung chủ yếu và cấp bách của công tác dân tộc trong thời kỳ mới, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước.

Nghị quyết về công tác dân tộc khẳng định, trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Tuy nhiên do tác động của tình hình thế giới và hoạt động của các thế lực thù địch cả trong và ngoài nước, tình hình dân tộc ở nước ta có những diễn biến phức tạp hơn. Cần nhận thức rõ vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trung ương đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác dân tộc trong thời kỳ mới.

Nghị quyết về công tác tôn giáo khẳng định, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Đến năm 2002, có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, ngoài ra, còn hàng trăm nghìn người Việt Nam ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp, đoàn tụ gia đình, hình thành các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đa số họ có đời sống ổn định, có tiềm lực kinh tế nhất định, có vị trí và quan hệ nhất định

³¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, trang 26.

ở nước sở tại, luôn nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống văn hóa, hướng về cội nguồn, gia đình, dòng tộc, quê hương; có những đóng góp nhất định về các mặt cho đất nước. Tuy nhiên, người Việt Nam ở một số nước còn nhiều khó khăn trong việc ổn định cuộc sống, ở một số nơi còn bị kỳ thị. Một số người chưa có dịp về thăm đất nước, chưa thấy những thành tựu của công cuộc đổi mới, vẫn còn thành kiến, mặc cảm, thậm chí chống phá đất nước. Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị khóa IX (3-2004) đã ban hành Nghị quyết số 36 chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có trách nhiệm thoả thuận với các nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

Sau Đại hội IX, nhất là sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở nước Mỹ, tình hình thế giới diễn biến rất mau lẹ, phức tạp; sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta đang đặt ra những vấn đề mới rất cấp thiết. Hội nghị Trung ương 8 (7-2003) đã ra kịp thời thảo luận và ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới³². Sau khi chỉ rõ những thành tựu, khuyết điểm, yếu kém của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ Bảo vệ Tổ Quốc, dự báo tình hình quốc tế, khu vực, tình hình đất nước những năm tới, Chiến lược xác định: Mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững an ninh chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với công nhân xã hội; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế-xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ Quốc. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Xây dựng sức mạnh tổng hợp về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...; ra sức phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa và khai thác mọi thuận lợi ở bên ngoài; Chủ động phòng ngừa và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

Nhiệm vụ cơ bản về bảo vệ Tổ quốc: Giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Đảng là nhiệm vụ theo chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ. Nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với việc tăng cường trật tự kỷ

³² Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, trang 45.

cương, chú trọng giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng lòng cốt. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế, ưu tiên phát triển hợp tác với các nước láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và trung tâm lớn. Trên cơ sở đó, Trung ương đã nêu các nhiệm vụ cơ bản và giải pháp chủ yếu Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện 2006-2011

Đại hội X của Đảng họp tại Hà Nội, họp từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006, vào thời điểm đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có sự thay đổi cơ bản, toàn diện, thể và lực, uy tín quốc tế tăng lên nhiều so với trước. Tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua các Văn kiện chính trị và bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 160 ủy viên chính thức, 21 ủy viên dự khuyết, Bộ Chính trị 14 đồng chí; đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các văn kiện của Đại hội trình bày toàn diện những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, nổi bật với là nhiệm vụ trọng tâm, tổng quát thể hiện trong chủ đề của Đại hội “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*”.

Đại hội X đã tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới. Sau khi đánh giá quá trình đổi mới, chỉ rõ những thành tựu, khuyết điểm, yếu kém, Đại hội đã chỉ ra những bài học cần thiết để tiếp tục hoàn thiện đường lối chỉ đạo đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong những năm tiếp theo. Những bài học đó là: *Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là*, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Bốn là*, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Năm là*, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đại hội X có sự tiếp thu, bổ sung hai đặc trưng mới của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng so với Cương lĩnh năm 1991 là: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, diễn đạt lại các đặc trưng khác. Cụ thể: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước

manh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Đại hội X, lần đầu tiên đặt chú trọng hàng đầu đến nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đây là thành tố đầu tiên của chủ đề Đại hội. Chính vì, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Mọi thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Trong tình hình cơ hội và thách thức đan xen nhau, xây dựng, chỉnh đốn đảng phải đáp ứng bằng được yêu cầu vừa kiên định sự lãnh đạo của Đảng vừa phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để Đảng ngang tầm với trọng trách của mình. Muốn vậy Đảng phải nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách; năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện, tổng kết lý luận thực tiễn, phải tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ chức đảng, nói chung là toàn Đảng phải có ý chí vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, kiên quyết đấu tranh với tiêu cực, tham nhũng, suy thoái, đấu tranh chống các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch.

Phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, từ đội ngũ cán bộ đến phương thức lãnh đạo của Đảng. Cái mới của Đại hội X là làm sáng tỏ bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Quan điểm mới nổi bật của Đại hội X là đã cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, kết cả tư bản tư nhân nhưng yêu cầu phải tuân thủ Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng và quy định của pháp luật Nhà nước đồng thời nêu cao tính tiên phong gương mẫu của người đảng viên. Đây là chủ trương đúng đắn, vừa phù hợp thực tế, vừa động viên mọi nguồn lực vào thực hiện mục tiêu của Đảng “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

Nội dung mới trong thành tố thứ hai chủ đề Đại hội X là “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”. Muốn đoàn kết phải lấy mục tiêu chung của toàn dân tộc là giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Điểm mới từ đây là xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã

hội. Điểm mới của Đại hội là chỉ ra nhiều biện pháp, hình thức, nhằm phát huy dân chủ, có chính sách bảo vệ lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội.

Nội dung mới trong thành tố thứ ba chủ đề Đại hội X là “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”. Tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Đại hội X của Đảng là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội X là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm đổi mới toàn diện, phát triển với tốc độ nhanh và bền vững hơn trong thời kỳ mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, nổi bật:

Lần đầu tiên, tại Hội nghị Trung ương 4 (2-2007), Đảng ta ban hành *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*³³. Trung ương nhận định, thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương. Các quốc gia có biển đều rất quan tâm đến biển và xây dựng chiến lược biển. Khu vực Biển Đông, trong đó vùng biển Việt Nam, có vị trí địa kinh tế và địa chính trị rất quan trọng. Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh rõ vị trí, vai trò đó. Với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, biển Việt Nam càng có vai trò to lớn hơn đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Từ những năm 90 của thế kỷ trước, Đảng và Nhà nước ta đã có một số nghị quyết, chính sách về các lĩnh vực liên quan đến biển. Trước tình hình mới, phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia đối với biển, đảo và vùng trời của Tổ quốc, đòi hỏi nước ta cần có chiến lược biển toàn diện nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trung ương đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 kinh tế biển Việt Nam đóng góp khoảng 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng: Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

³³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 70.

Để thực hiện mục tiêu đó, Trung ương xác định các định hướng lớn trên các lĩnh vực, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường các vùng biển, ven biển, hải đảo theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hoá thành *Hiến pháp*, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất. Mặt trái của kinh tế thị trường tác động dẫn đến nhiều tiêu cực trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là các vấn đề kinh tế-xã hội bức xúc. Hội nghị Trung ương 6 (1-2008) đã đưa ra những chủ trương và giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa³⁴.

Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ môi trường. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở quan điểm đó Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn. Nông nghiệp nông thôn đứng trước nhiều thách thức mới, phát triển còn kém bền vững, thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội yếu kém. Đời sống của nông dân còn nhiều khó khăn. Xuất phát từ yêu cầu, Hội nghị Trung ương 7 (2008) đã đánh giá tình hình lần đầu tiên đưa ra những quyết sách mạnh mẽ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết đồng thời ba vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn³⁵. Quan điểm chỉ đạo: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Các

³⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, trang 133.

³⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, trang 121.

vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân. Ba vấn đề này có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng phát triển kinh tế-xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Trên cơ sở quan điểm đó Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới.

Những chủ trương nêu trên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh 5 năm (2005-2010): tốc độ tăng GDP bình quân đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001-2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao³⁶. GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Việt Nam năm 2008 đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.

Đảng và Nhà nước đã luôn chú trọng công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta. Trong tình hình mới, Hội nghị Trung ương 6 (1-2008) đã chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Điểm nổi bật của chủ trương này là Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự; tích cực, chủ động phòng ngừa là chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, phải tiến hành kiên

³⁶ Trong 5 năm 2006-2010, tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỉ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng số vốn đăng ký mới và tăng thêm ước đạt 146,8 tỉ USD, gấp 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2001-2005. Tổng vốn ODA cam kết đạt trên 31 tỉ USD, gấp hơn 1,3 lần so với mục tiêu đề ra; giải ngân ước đạt khoảng 13,8 tỉ USD, vượt 17,5%.

quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Công tác kiểm tra của Đảng có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các lĩnh vực trong kiểm tra; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục. Hội nghị Trung ương 5 (7-2007) đã chủ trương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng³⁷. Quan điểm chỉ đạo là: Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng. Tổ chức đảng, đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và chịu sự giám sát của nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả; phải góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát. Giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy; khắc phục thiếu sót khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân trong kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở quan điểm đó Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong thời kỳ mới.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa X (4-2007) đã sắp xếp bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương gọn hơn. Còn 6 ban tham mưu của Trung ương. Chính phủ có 22 bộ và cơ quan ngang bộ.

Đảng đã tập trung chỉ đạo xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh. Nhiều tổ chức cơ sở đảng đã phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở. Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn khuyết điểm, yếu kém. Hội nghị Trung ương 6 (1-2008) đã ra chủ trương nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong đó khẳng định tổ chức cơ sở đảng có vị trí rất quan trọng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là cầu nối giữa Đảng với dân. Toàn Đảng phải tập trung chỉ đạo để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả lĩnh vực đời sống xã hội; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, phát huy sức mạnh tổng

³⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 55.

hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở quan điểm đó Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, vì vậy phương thức lãnh đạo của Đảng tác động trực tiếp thúc đẩy hoặc kìm hãm đến hoạt động của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sau hơn 20 năm đổi mới, Đảng ta đã quan tâm nhiều hơn và có kết quả trong đổi mới phương thức lãnh đạo của mình. Tuy vậy, trong thực tế, có nơi Đảng bao biện làm thay, có nơi buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Hội nghị Trung ương 5 (7-2007) đã chủ trương tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị³⁸. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, cụ thể là: Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội; đẩy mạnh phân cấp, tăng chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng. Phải chủ động, tích cực, có quyết tâm cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp mỗi ngành vừa phải quán triệt nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm từng cấp, ngành. Trên cơ sở quan điểm đó Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh Việt Nam tiến hành hội nhập ngày càng sâu và toàn diện vào nền kinh tế thế giới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính có vai trò rất quan trọng để bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Kể từ sau Đại hội IX đến nay việc cải cách hành chính đã đạt những kết quả tích cực. Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống thể chế, luật pháp, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn không ít bất cập, vướng mắc. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Những yếu kém, hạn chế của cải cách hành chính đã làm cản trở tiến trình phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Hội nghị Trung ương 6 (8-2007) chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước³⁹. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương

³⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 91.

³⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 127.

thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Trung ương đã nêu ra yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

Ngày 29-5-2008, với sự chỉ đạo chuẩn bị của Trung ương Đảng, Quốc hội khóa XII đã ra Nghị quyết về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội kể từ ngày 1-8-2008. Đây là một quyết định đúng đắn, phù hợp với các điều kiện địa lý, lịch sử, văn hoá truyền thống; phát huy đầy đủ các chức năng và vị thế của một thủ đô hiện đại của đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trong thời kỳ đổi mới, giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên số lượng, cơ cấu, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân còn nhiều khó khăn, lợi ích của một bộ phận công nhân chưa tương xứng với thành tựu của công cuộc đổi mới và sự đóng góp của chính họ. Hội nghị Trung ương 6, khóa X (8-2007) đã ban hành Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước⁴⁰. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trung ương đã nêu ra các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết hữu cơ với đại đoàn kết toàn dân tộc; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân; coi đó là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế và sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, Hội nghị Trung ương 7, khóa X (7-2008) đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá⁴¹. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập

⁴⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 43

⁴¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 35.

quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển, thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người “vừa hồng, vừa chuyên” theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chủ trương định hướng cho thanh niên hành động, xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hàng năm của các cấp, các ngành. Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thể hệ thanh niên thời kỳ mới. Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là nội dung quan trọng của công tác đoàn để giáo dục, bồi dưỡng, động viên và phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhận thức sâu sắc “hiền tài là nguyên khí quốc gia”, trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng, quan tâm và có nhiều chủ trương, chính sách phát triển đội ngũ trí thức, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức phát triển. Tuy nhiên, đội ngũ trí thức nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém. Về số lượng, chất lượng, cơ cấu, thiếu chuyên gia đầu ngành, chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế. Hội nghị Trung ương 7, khóa X (7-2008) đã ban hành Nghị quyết về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế⁴². Quan điểm của Trung ương: Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong bối cảnh các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh

⁴² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 81.

hoạt động “diễn biến hoà bình”, với các chủ trương trên của Đảng, đất nước vẫn giữ được ổn định chính trị, đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra, tuy còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục.

Qua hơn 3 năm thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá IX, toàn Đảng, toàn dân ta đã thu được nhiều kết quả tốt trong học tập, quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Trung ương 12, khoá IX (7-2005) đã chỉ đạo thí điểm cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tháng 11-2006, Bộ Chính trị khoá X quyết định tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng, toàn dân. Mục đích của cuộc vận động là làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản, giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức của Người sâu rộng trong toàn xã hội; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội. Nội dung cuộc vận động tập trung chủ yếu vào học tập và làm theo tư tưởng đạo đức trong tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, “Di chúc”; tập trung vào các phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Qua học tập mỗi người liên hệ tự phê bình; quần chúng ở cơ sở góp ý xây dựng thêm. Từng cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức. Theo Chỉ thị số 03, từ năm 2008 đến năm 2010, với các chủ đề khác nhau hàng năm, cuộc vận động đã nhanh chóng trở thành phong trào sâu rộng trong toàn xã hội, tạo sự chuyển biến rõ rệt về ý thức tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước qua 20 năm đổi mới làm cho đa số nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước và triển vọng phát triển của đất nước... Một biểu hiện tiêu cực về tư tưởng diễn biến phức tạp và nghiêm trọng, tiềm ẩn các nguy cơ trực tiếp gây mất ổn định chính trị. Đó là tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ. Trong Đảng đã xuất hiện các ý kiến khác nhau về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Trong xã hội đã phát sinh tâm trạng bức xúc đáng lo ngại. Các phần tử cơ hội, bất mãn trong nước kết hợp với thế lực thù địch, phản động ở nước ngoài tăng cường xuyên tạc, vu cáo, chống phá quyết liệt Đảng, Nhà nước. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương 5 (7-2007) đã ban hành Nghị quyết về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới⁴³. Trung ương nhấn mạnh: Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ. Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, những giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hoá thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống

⁴³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 7.

tinh thần xã hội. Công tác tư tưởng là nhiệm vụ của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, trước hết là cấp uỷ các cấp và bí thư cấp uỷ, của cả hệ thống chính trị với sự tham gia của nhân dân, trong đó lực lượng nòng cốt là đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí của Đảng.

Công tác tư tưởng của Đảng là công tác đối với con người, đòi hỏi phải nắm vững những quy luật riêng của tư tưởng, có thái độ, phương pháp khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu định hướng tư tưởng với sự tự nguyện, giữa lý trí và tình cảm, giữa lời nói và việc làm, giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” làm chính, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực. Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị-xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Hoạt động báo chí phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng. Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước tình hình mới

Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”⁴⁴. Quan điểm chỉ đạo: Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam. Văn học, nghệ thuật Việt Nam thời kỳ mới phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

Chủ trương “Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008-2012”⁴⁵ với quan điểm chỉ đạo: Coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực cho phát triển kinh tế-xã hội, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Trung ương chỉ rõ phải tiến tới bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phải gắn với việc kiểm chế tốc độ tăng giá, bảo đảm tốt hơn đời sống của người nghèo, đồng bào dân tộc, đối tượng chính sách xã hội nhằm đạt thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Tháng 11-2006, sau hơn 10 năm đàm phán, Việt Nam được chính thức được kết nạp là thành viên thứ 150 của WTO (Tổ chức thương mại thế giới). Đây là một dấu mốc quan trọng trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, mở ra nhiều thuận lợi cho đất nước. Để chỉ rõ những cơ hội lớn và những thách thức lớn về nhiều mặt, Hội nghị Trung ương 4 (1-2007) ra Nghị quyết về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương khi gia nhập WTO là: Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng,

⁴⁴ Theo Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị Khóa X.

⁴⁵ Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (1-2008).

dân chủ, văn minh. Coi hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân. Nhân dân là chủ thể của hội nhập và được hưởng thành quả từ hội nhập. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đi liền với nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng. Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế-xã hội; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trung ương nhân mạnh, vào WTO phải giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa. Coi hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân; giữ vững ổn định chính trị, kinh tế-xã hội; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái. Gắn khai thác với sử dụng có hiệu quả cao nội lực và các nguồn lực bên ngoài. Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế. Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị khi hội nhập quốc tế.

Về đối ngoại, thành tựu nổi bật sau 5 năm (2006-2010) là đã mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại, góp phần tạo ra thế và lực mới, giữ vững ổn định chính trị và tạo được một môi trường quốc tế thuận lợi chưa từng có để giữ vững hoà bình, an ninh và mở rộng hợp tác, tranh thủ, vốn, kỹ thuật, trí thức, kinh nghiệm để phát triển đất nước. Việt Nam đã trở thành thành viên 150 của tổ chức WTO⁴⁶; đăng cai và tổ chức thành công tuần lễ cao cấp APEC (Diễn đàn kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương) lần thứ 14 (11-2006). Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư với 230 nước và vùng lãnh thổ, trong đó các đối tác lớn nhất là Trung Quốc với 25 tỉ USD thương mại hai chiều, với Mỹ là 16 tỉ USD.

Hoàn thành phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền với Trung Quốc⁴⁷; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc. Phát triển quan hệ đặc biệt với Lào, tăng dày hệ thống mốc biên giới với Lào; hợp tác toàn diện và hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia. Ngoại giao văn hoá có nhiều khởi sắc, nhiều công trình văn hóa được công nhận là di sản văn hoá thế giới⁴⁸. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực; lượng kiều hối gửi về nước tăng tới 8 tỷ USD năm 2010. Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại; sự phối hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hoá đối ngoại chưa đồng bộ, có mặt còn hạn chế.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương 1991

⁴⁶ WTO thành lập ngày 1-1-1995. Hiện nay WTO chiếm trên 95% thương mại toàn cầu, bao gồm tất cả các nước phát triển trên thế giới. Sau một năm gia nhập WTO (2007), GDP của Việt Nam tăng 8,48%, xuất khẩu đạt 21,5%, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 20,3 tỉ USD.

⁴⁷ Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam-Trung Quốc được ký kết năm 1999. Sau 8 năm thực hiện theo phương châm “dễ trước, khó sau”, đến ngày 31-12-2008 đã hoàn thành. Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam-Trung Quốc hoạch định đường biên giới trên đất liền rõ ràng và hiện đại, đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác và phát triển giữa hai nước.

⁴⁸ Kinh đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Hoàng thành Thăng Long, Vịnh Hạ Long, Công viên Tây Nguyên, nhã nhạc cung đình Huế, hát quan họ Bắc Ninh,...

Đại hội XI của Đảng họp tại Hà Nội họp từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới. Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hoà bình”.

Dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên cả nước. Nội dung nổi bật của Đại hội XI là thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*; Chiến lược, phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Trung ương gồm 60 ủy viên Trung ương chính thức, Bộ Chính trị gồm 14 người, đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Đại hội XI thể hiện trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta, tiếp tục khẳng định, hoàn thiện và phát triển đường lối đổi mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, gọi tắt là *Cương lĩnh năm 2011* có kết cấu bốn phần cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991 có bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần.

Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm. *Cương lĩnh năm 2011* có diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới. Cách diễn đạt mới đảm bảo vừa trung thực với lịch sử, vừa cổ vũ niềm tự hào dân tộc và phù hợp với quan hệ đối ngoại trong tình hình mới. Ngoài ra còn bổ sung ý nghĩa của những thành quả do các thắng lợi trên mang lại và đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ của Đảng trước những sai lầm đó.

Cương lĩnh khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn: *Một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. *Ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. *Bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. *Năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ *bảo đảm* bằng từ *quyết định* ở bài học thứ 5; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp.

Về đặc điểm, xu thế chung: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động những vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định.

Đánh giá về chủ nghĩa xã hội: Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. “Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục”⁴⁹.

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc.

Những vấn đề toàn cầu cấp bách liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là gìn giữ hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi bệnh tật hiểm nghèo. Ở đây bổ sung hai vấn đề là chống khủng bố và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Đặc điểm nổi bật hiện nay của thời đại là: các nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. “*Theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*”⁵⁰.

Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản

Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có

⁴⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 68.

⁵⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 69.

nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”⁵¹.

Trong các đặc trưng, ngoài đặc trưng “Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” không đổi, Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Các đặc trưng khác diễn đạt mới rõ hơn, không chỉ là thay đổi từ ngữ mà chứa đựng những nội dung mới, với ý nghĩa phù hợp hơn với mục tiêu khi nước ta đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Sau khi chỉ rõ những thuận lợi cơ bản, Cương lĩnh năm 2011 xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta: *Một là*, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. *Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. *Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. *Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. *Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh năm 2011 bổ sung cần nắm vững và giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh

⁵¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 70.

tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển”⁵².

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển. Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế,

⁵² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 73.

phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân học tập suốt đời.

Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ; khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào lao động; thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước. Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, bổ sung cách diễn đạt bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

Cương lĩnh năm 2011 bổ sung, làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng: Đảng Cộng

sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Làm rõ quan hệ Đảng với nhân dân: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Về xây dựng Đảng: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Cương lĩnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, Việt Nam nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020, Đại hội nhấn mạnh:

Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao.

Ba đột phá chiến lược: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Định hướng phát triển kinh tế-xã hội: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường; hoàn thiện bộ máy nhà nước, chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Đại hội XI đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội X; nhìn lại 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và nêu ra những kinh nghiệm mới: *Một là*, trong bất kỳ điều kiện, tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Hai là*, phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. *Ba là*, phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là*, chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. *Năm là*, trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo.

Về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, phong phú, đa dạng; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trong 5 năm 2011-2016, Trung ương Đảng đã tập trung chỉ đạo thực hiện những vấn đề quan trọng, nổi bật:

Trước thực trạng hệ thống kết cấu hạ tầng ở nước ta còn nhiều hạn chế, yếu kém, lạc hậu, thiếu đồng bộ, kém tính kết nối, hiện đang là điểm nghẽn của quá trình phát triển; thực hiện một trong những đột phá của *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020*, Hội nghị Trung ương 4 (1-2012) chủ trương xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020⁵³. Trung ương nhấn mạnh quan điểm: Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Phát triển kết cấu hạ tầng là sự nghiệp chung, vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, mọi người dân đều có trách nhiệm

⁵³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, trang 57.

tham gia đóng góp, trước hết là trong thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng; bảo đảm lợi ích hài hoà giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh; thu hẹp khoảng cách vùng, miền; gắn với tiết kiệm đất canh tác, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX (3-2003), việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai đã thu được nhiều kết quả tích cực. Tuy vậy, công tác quản lý nhà nước về đất đai còn nhiều hạn chế, nhất là trong quy hoạch sử dụng đất, định giá đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư, các thủ tục hành chính về đất đai. Việc sử dụng đất nhiều nơi còn lãng phí, hiệu quả thấp; tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực này còn lớn; tình hình khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai còn diễn biến phức tạp. Hội nghị Trung ương 5, khóa X (5-2012)⁵⁴ đã khẳng định: Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt; là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, là nguồn sống của nhân dân ta; quyền sử dụng đất là hàng hoá đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai; không đặt vấn đề điều chỉnh lại đất nông nghiệp đã giao cho hộ gia đình, cá nhân. Đất đai được phân bổ hợp lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả cao; bảo đảm lợi ích trước mắt và lâu dài, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, nâng cao chất lượng và bảo vệ đất canh tác nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Chính sách, pháp luật về đất đai phải bảo đảm sự quản lý nhà nước chặt chẽ, thống nhất của Trung ương; đồng thời phân cấp phù hợp cho địa phương, có chế tài xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm; chính sách, pháp luật về đất đai góp phần bảo đảm ổn định chính trị-xã hội, phát triển kinh tế-xã hội bền vững, củng cố quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Trung ương Đảng nhất trí ban hành Kết luận về tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Các doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp lại một bước, góp phần để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu của quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, việc sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm, chưa chặt chẽ; trình độ công nghệ lạc hậu, quản trị doanh nghiệp còn nhiều yếu kém, hiệu quả thấp. Cơ cấu ngành, lĩnh vực chưa hợp lý, dàn trải, đầu tư ra ngoài ngành kém hiệu quả. Một số doanh nghiệp vi phạm pháp luật nghiêm trọng, gây thất thoát, lãng phí lớn vốn và tài sản nhà nước. Hội nghị Trung ương 6, khóa X (5-2012) ban hành Kết luận về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước⁵⁵. Quan điểm của Trung ương là: Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, là lực lượng

⁵⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, trang 79.

⁵⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, trang 125.

vật chất quan trọng, là công cụ hỗ trợ để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô. Doanh nghiệp nhà nước phải tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng. Chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải ngoài ngành. Khẩn trương bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các doanh nghiệp.

Tiềm lực kinh tế tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, kiểm soát được lạm phát. GDP tăng bình quân 5,9%, bình quân thu nhập 2.109 USD....

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị đã Ban hành Chỉ thị số 03 (5-2011) về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mục đích là phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng. Liên tục từ năm 2011 đến năm 2015,, Trung ương đã tổ chức học tập theo các chủ đề khác nhau về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào việc phấn đấu rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị; học tập và làm theo phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên; nêu cao tinh thần trách nhiệm chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm, trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đảng đã có nhiều chủ trương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Hội nghị Trung ương 4, khóa XI (1-2012) đã ban hành Nghị quyết: Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay⁵⁶. Nghị quyết chỉ rõ tập trung cao độ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng: 1) Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. 2) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. 3) xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi

⁵⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, trang 20.

mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong ba vấn đề trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

Đảng đã có nhiều chủ trương phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Dù có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động và đạt được những kết quả bước đầu nhưng công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí vẫn chưa đạt yêu cầu và mục tiêu đề ra. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành, nhất là trong các lĩnh vực..., gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Hội nghị Trung ương 4, khóa XI (1- 2012) đã đưa ra kết luận tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trung ương xác định phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, phải thực hiện thường xuyên, có hiệu quả. Trung ương chỉ rõ cần tập trung cao độ để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách: 1) Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. 2), Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. 3) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Trong ba vấn đề trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất. Trung ương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị do Tổng Bí thư làm Trưởng ban; lập lại Ban Nội chính Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Sau một năm kiểm điểm, tự phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4, Hội nghị Trung ương 6 (10-2012) đã đánh giá kết quả kiểm điểm tự phê bình, phê bình khẳng định những thành tựu, ưu điểm, khuyết điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Mặc dù nhiều khuyết điểm, hạn chế có từ các khóa trước, nhưng với trách nhiệm chính trị của cơ quan lãnh đạo hiện nay, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiêm túc tự phê bình và thành thật nhận lỗi trước Ban Chấp hành Trung ương đã không ngăn chặn, đẩy lùi được tình trạng tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có những cán bộ cấp cao của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đánh giá rất cao sự nghiêm túc, gương mẫu và cầu thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Kinh nghiệm lịch sử Đảng ta cho thấy, một khi Đảng tự nhận ra sai lầm, khuyết điểm và tự nghiêm khắc, quyết tâm khắc phục, sửa chữa thì sức mạnh của Đảng càng được nâng lên; nhân dân càng tin yêu và ủng hộ Đảng, càng phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra.

Trung ương đã quyết định tái lập Ban Kinh tế Trung ương và Ban Nội chính Trung ương; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Trung ương Đảng có ý kiến chỉ đạo về sửa đổi Hiến pháp năm 1992; kết luận những vấn đề cơ bản cần đảm bảo là kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc về bản chất của chế độ chính trị và

nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, và trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn quan tâm, có nhiều chủ trương lãnh đạo công tác dân vận. Trên thực tế, công công tác dân vận đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên nhưng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Hội nghị Trung ương 7 (5- 2013) chủ trương tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới⁵⁷. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhân dân là chủ, nhân dân làm chủ. Động lực thúc đẩy phong trào nhân dân là phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu để nhân dân tin tưởng, noi theo. Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt. Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thành quy chế, quy định để các tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả.

Trung ương đã kết luận về việc tiếp thu ý kiến nhân dân, hoàn thiện bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 với tinh thần nghiêm túc, chân thành, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý của nhân dân; kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc về bản chất của chế độ chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Ban hành Hiến pháp năm 2013.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII (năm 1996) và các chủ trương của Đảng, Nhà nước, khoa học và công nghệ nước ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ nhìn chung còn những yếu kém, bất cập, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế-xã hội. Trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, toàn cầu hoá và kinh tế tri thức đã và đang đặt ra những yêu cầu mới. Hội nghị Trung ương 6 (10-2012) ra Nghị quyết về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế⁵⁸. Chỉ tiêu phấn đấu: đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt

⁵⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, trang 59.

⁵⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, trang 74.

trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á); đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quan điểm chỉ đạo: Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước, tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lĩnh vực giáo dục và đào tạo nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giáo dục và đào tạo đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém, chất lượng, hiệu quả còn thấp so với yêu cầu, có những vấn đề gây bức xúc xã hội kéo dài. Nhiều chính sách, cơ chế, giải pháp về giáo dục có hiệu quả trong giai đoạn vừa qua, nay đã không còn phù hợp, cần được điều chỉnh.

Hội nghị Trung ương 8 (11- 2013) đã ra Nghị quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Cái mới của Nghị quyết này không chỉ ở nhận thức mà cả trong chỉ đạo thực tiễn phải coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động

quản trị của các cơ sở giáo dục-đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp nhằm chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về văn hoá, đất nước đã đạt những thành tựu rất nổi bật về phát triển văn hóa. Những kết quả đạt được trong xây dựng và phát triển văn hoá chưa tương xứng với yêu cầu và chưa vững chắc; thiếu sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hoá với kinh tế, chính trị; giữa các lĩnh vực của văn hoá; chưa tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế-xã hội, đến xây dựng con người. Trong bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế; sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông; quá trình toàn cầu hoá, trong đó có toàn cầu hoá về văn hoá đã và đang đặt ra những yêu cầu mới.

Hội nghị Trung ương 9, khóa XI (5-2014) nêu chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước⁵⁹. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và xây dựng con người mới. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị-xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Kết quả là các lĩnh vực xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nước ta được Liên hợp quốc công nhận là một trong các quốc gia đi đầu trong việc thực hiện một số mục tiêu Thiên niên kỷ. Lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, một số mặt yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục. Hội nghị Trung ương 5 (5-2012) đã chủ trương giải quyết một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-

⁵⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, trang 574.

2020⁶⁰ với quan điểm chỉ đạo là: Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế-xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thể hệ; bảo đảm bền vững, công bằng. Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia; tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh. Tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Trong những năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được quan tâm, có bước chuyển biến và đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng. Việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản; tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững, một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt; ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng.

Hội nghị Trung ương 7 (6-2016) đã ra Nghị quyết về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đây là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Trung ương đã nêu ra các quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường từ nay đến năm 2020 và nhấn mạnh phải trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng; được đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội.

Trên cơ sở phân tích bối cảnh hiện nay, dự báo xu hướng phát triển của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước những năm tới; chỉ rõ thành tựu, hạn chế, nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, thiếu sót trong 10 năm thực hiện thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc*, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (10-2013) đã ra Nghị quyết “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” với những quan điểm mới: Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ

⁶⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, trang 103.

nghĩa; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng sức mạnh tổng hợp; phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực. Kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược và sách lược tạo sự đồng thuận cao của nhân dân ta ở trong nước và nước ngoài; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ cao nhất của dư luận quốc tế. Đặc biệt coi trọng mối quan hệ giữa yếu tố bên trong với bên ngoài, đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm đó Trung ương đã nêu ra phương châm chỉ đạo và một số giải pháp chủ yếu mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp để thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, trong thời gian qua, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong ASEAN được củng cố. Đến năm 2015, nước Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước⁶¹; đối tác toàn diện với 10 nước; đối tác chiến lược lĩnh vực với Vương quốc Hà Lan.

Ngoại giao kinh tế đã góp phần tích cực thúc đẩy quan hệ kinh tế-thương mại-đầu tư với các đối tác, thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế của đất nước. Đến năm 2012 có 36 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Nhóm các nhà tài trợ cho Việt Nam năm 2011 đã cam kết tài trợ 7,39 tỷ USD. Năm 2012, số lượng đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam đi thăm các nước, lãnh đạo cấp cao của các nước vào thăm Việt Nam tăng mạnh với 31 đoàn, gấp 4-5 lần so với các năm.

Hoạt động ngoại giao của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương như là APEC, ASEM, đặc biệt là trong ASEAN được triển khai một cách tích cực, thể hiện vị thế, vai trò ngày càng tăng của Việt Nam. Ngoại giao văn hoá tiếp tục được triển khai mạnh mẽ⁶².

Trong năm 2012, ASEAN và Trung Quốc đã xây dựng được Tuyên bố chung kỷ niệm 10 năm Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và ASEAN đã ra được tuyên bố 6 điểm về vấn đề Biển Đông. Đó là cơ sở pháp lý duy trì môi trường hoà bình, ổn định ở Biển Đông và giải quyết vấn đề Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có bước phát triển mới. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

⁶¹ Đối tác chiến lược với 15 nước: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Đức, Italia, Indônêxia, Thái Lan, Xingapo, Pháp, Malaixia, Philippin. Đối tác toàn diện với 10 nước: Nam Phi, Chilê, Brăin, Venêxuêla, Ôxtrâylia, Niu Dillân, Ăchentina, Ucraina, Mỹ, Đan Mạch.

⁶² Năm 2011, UNESCO đã công nhận các di sản Thành Nhà Hồ, Thanh Hoá, Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, hát xoan Phú Thọ... Năm 2012, nổi bật là việc UNESCO công nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Hát xoan (Phú Thọ) là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và một bản kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm là di sản tư liệu thế giới.

Đại hội XII của Đảng họp từ ngày 21 đến 28-1-2016, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. Đất nước đã qua 30 năm đổi mới, thể và lực tăng lên rõ rệt, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt.

Chủ đề của Đại hội là: *“Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”*.

Dự Đại hội có hơn 1.510 đại biểu thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đại hội đã tổng kết 30 năm đổi mới, bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 180 ủy viên Trung ương chính thức, 20 ủy viên dự khuyết; Bộ Chính trị có 19 đồng chí, đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội XII của Đảng là Đại hội “Đoàn kết-Dân chủ-Kỷ cương-Đổi mới”, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đại hội XII đã kiểm điểm, đánh giá thành quả quan trọng, những hạn chế, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết đại hội XI (2011-2015); tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016) và nêu mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016-2021. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Đại hội XII rút ra *một số kinh nghiệm* sau: *Một là*, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Hai là*, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp. *Ba là*, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. *Bốn là*, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. *Năm là*, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia-dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đại hội, nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016-2020, các nhiệm vụ chủ yếu trên các lĩnh vực: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo,

phát triển nguồn nhân lực. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng, phát triển văn hoá, con người. Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội XII nhấn mạnh trong nhiệm kỳ XII, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả sáu nhiệm vụ trọng tâm:

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Sau Đại hội XII, Trung ương đã tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu:

Trong thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đã thực hiện và đạt được kết quả bước đầu. Mô hình tăng trưởng về cơ bản vẫn theo mô hình cũ, chậm được đổi mới; tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư và số lượng lao động, chưa dựa nhiều vào tăng năng suất lao động, ứng dụng khoa học-công nghệ. Hội nghị Trung ương 4, khóa XII (10-2016) đã ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế⁶³.

Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường. Chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu khoa học-công nghệ của nhân loại, mọi tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước. Gắn kết chặt chẽ với thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế với trọng tâm ưu tiên là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học-công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng; cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công; cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công. Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu, có ý nghĩa quyết định đối với thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Trung ương đã đưa ra những định hướng lớn, những nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng của nền kinh tế trong thời kỳ mới.

Việc thực hiện đường lối của Đảng về hội nhập quốc tế đã đem lại những thành tựu quan trọng trong tất cả các lĩnh vực nhưng trong thực hiện các cam kết quốc tế mới với quốc tế sẽ đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cả về kinh tế, cả về chính trị, xã hội; sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều ngành, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta sẽ gặp khó khăn hơn. Hội nghị Trung ương 4, khóa XII (10-2016) đã chủ trương “Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”⁶⁴. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa

⁶³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 50.

⁶⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 79.

quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia-dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu. Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là trong những lĩnh vực, vấn đề liên quan đến ổn định chính trị-xã hội. Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trung ương đã xác định mục tiêu, chủ trương, chính sách chung, chính sách cụ thể để thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện đường lối đổi mới sau hơn 30 năm đổi mới, Đảng luôn chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, rút ra các kinh nghiệm và bài học, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta thực hiện còn chậm. Một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định, nhất quán; còn có biểu hiện lợi ích cục bộ. Bất bình đẳng xã hội, phân hoá giàu-nghèo có xu hướng gia tăng.

Hội nghị Trung ương 5 (5-2017) chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁶⁵. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế

⁶⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, trang 22.

quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp, vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trung ương đã đề ra mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể đến năm 2020, các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX (8-2001), các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước đối với nền kinh tế còn hạn chế; hiệu quả sản xuất kinh doanh và đóng góp cho nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực Nhà nước đầu tư; nợ nần, thua lỗ, thất thoát lớn. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương 5 (5-2017) chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Quan điểm chỉ đạo: Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước; hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng và có vai trò nòng cốt, dẫn dắt phát triển các với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2020 và năm 2030 và đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”, kinh tế tư nhân ở nước ta đã không ngừng phát triển, đóng góp ngày càng lớn hơn vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân còn hạn chế, yếu kém. Hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Kinh tế tư nhân chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong kinh tế tư nhân còn khá phổ biến.

Nhằm tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân, Hội nghị Trung ương 5, khóa XII (5-2017) chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁶⁶. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỉ trọng đóng góp trong GDP. Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng.

Phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước của kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực. Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn. Thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan toả rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của các chủ doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng vững mạnh, có ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm với xã hội và kỹ năng lãnh đạo, quản trị cao; chú trọng xây dựng văn hoá doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, đã có nhiều chuyển mới cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn về thực hiện Chiến lược biển. Kinh tế biển, các vùng biển, ven biển đang trở thành động lực phát triển đất nước. Việc thực hiện Chiến lược biển còn nhiều hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức; chưa gắn kết hài hoà với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ an ninh, an toàn, phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với sự cố môi trường trên biển còn nhiều bất cập.... Hội nghị Trung ương 8 (10-2018) đề ra Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁶⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, trang 88.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam. Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và năm 204, một số chủ trương lớn và khâu đột phá, các giải pháp để thực hiện Chiến lược biển tiếp tục phát triển phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong nhiều năm tới

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XI về “Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và công tác xây dựng Đảng. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh còn có những hạn chế, chưa trở thành việc làm thường xuyên, chưa thành ý thức tự giác của không ít tổ chức đảng, cơ quan, địa phương, đơn vị và một bộ phận cán bộ, đảng viên. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Bộ Chính trị khoá XII ban hành Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (5-2016) tiếp tục đẩy mạnh “Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

Công tác xây dựng Đảng còn không ít hạn chế, khuyết điểm về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, về sinh hoạt đảng về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng... Hội nghị Trung ương 4 (10-2016) ra Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, Trung ương đã chỉ rõ 27 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết, trong đó nhấn mạnh tinh thần kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp là nòng cốt. Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Đảng đã ban hành và thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội từng bước được sắp xếp, kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống

chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, kém hiệu lực, hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức còn chồng chéo; cơ cấu bên trong chưa hợp lý; tổ chức bộ máy của khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập chậm được đổi mới; tổ chức và biên chế ngày càng phình to; cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa hợp lý. Số người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước ở các đơn vị sự nghiệp công và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ngày càng nhiều...

Đảng đã có nhiều quyết sách đúng đắn về cán bộ và công tác cán bộ; kiên trì, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách, biện pháp, đạt được những kết quả quan trọng. Nhờ đó, đội ngũ các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn. Đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ còn bộc lộ không ít những hạn chế, yếu kém. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đông nhưng chưa mạnh, tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ xảy ra ở nhiều nơi. Cơ cấu giữa các ngành, nghề, lĩnh vực chưa thật sự hợp lý, thiếu sự liên thông giữa các cấp, các ngành; thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ; thiếu gương mẫu, chưa thật sự gắn bó mật thiết với nhân dân; vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... chậm được ngăn chặn và đẩy lùi.

Hội nghị Trung ương 7 khoá XII (5-2018) đã ban hành Nghị quyết tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết, trong đó coi xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững. Thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu và cơ quan tham mưu của Đảng, cơ quan tổ chức, cán bộ là nòng cốt.

Tháng 10-2018, Hội nghị Trung ương 8 của Đảng đã ban hành Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 23-10-2018, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIV đã bầu Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng giữ cương vị Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021.

Đảng, Nhà nước xác định sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của toàn xã hội; chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân là công tác đặc biệt quan trọng, liên quan đến mọi người, mọi nhà và được cả xã hội quan tâm, có ý nghĩa chính trị, xã hội và nhân văn sâu sắc, thể hiện bản chất ưu việt, tốt đẹp của chế độ ta. Trước yêu cầu mới trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân cũng bộc lộ không ít yếu kém, khuyết điểm, để xảy ra một số sự việc, sự cố gây bức xúc xã hội.

Ngày 14-1-1993, Ban Chấp hành Trung ương khóa VII đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 2005, Bộ Chính trị khóa IX cũng ra Nghị quyết về vấn đề này. Việt Nam được Tổ chức Y tế thế giới đánh giá là điểm sáng về thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

Hội nghị Trung ương 6 khóa XII (10-2017) đã ban hành Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới⁶⁷. Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hai Nghị quyết này, trong đó nhấn mạnh việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó ngành y tế là nòng cốt. Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển.

Chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội là một bộ phận rất quan trọng, có quan hệ chặt chẽ với các chính sách khác trong hệ thống chính sách kinh tế-xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng, nhà nước ta đã có nhiều lần cải cách và từng bước hoàn thiện vấn đề này, song vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hội nghị Trung ương 7 khóa XII (5-2018) đã ban hành Nghị quyết cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết cải cách chính sách bảo hiểm xã hội⁶⁸.

Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp, trong đó nhấn mạnh: Cải cách chính sách tiền lương phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật của kinh tế thị trường. Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp và của mỗi người dân.

3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

⁶⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, trang 130.

⁶⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, trang 101.

Công cuộc đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để; là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Việt Nam đã đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Thành tựu của sự nghiệp đổi mới

Kinh tế tăng trưởng khá, thực lực của nền kinh tế tăng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý và được đánh giá là thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng khá cao trên thế giới. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Môi trường đầu tư được cải thiện, đa dạng hóa được nhiều nguồn vốn đầu tư cho phát triển. Thời kỳ 2001-2005 đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân năm là 7,5% và hai năm 2006-2010 tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 7%/năm; trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26% /năm, đạt mục tiêu chiến lược đã đề ra; GDP 5 năm 2011-2015 bình quân 5,9%; năm 2018 đạt 6,7%. Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và thế giới, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới.

Năm 2010, GDP đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000 (31,2 tỷ USD). Năm 2008, GDP bình quân đầu người theo giá trị thực tế đã đạt 1.047 USD, năm 2010 đạt 1.168 USD, gấp khoảng 3 lần so với năm 2000. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007-2008 đạt 0,733, xếp hạng 100/177 quốc gia và lãnh thổ, thuộc nhóm trung bình cao của thế giới. Năm 2018, GDP tăng trưởng đạt 7,08%, thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 2.500 USD.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước hình thành và phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện. Tư tưởng, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được thể chế hoá thành pháp luật, cơ chế, chính sách⁶⁹. Các hình thức sở hữu, thành phần kinh tế và chế độ phân phối đã phát triển đa dạng, từng bước tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường và phù hợp với điều kiện của đất nước. Các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh và cạnh tranh theo quy định của pháp luật, ngày càng phát huy vai trò tích cực trong nền kinh tế quốc dân. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường đang hình thành, phát triển, cơ bản đã có sự liên thông, gắn kết thị trường trong nước với thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường thế giới.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đô thị được đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu. Xây dựng các ngành công nghiệp hiện đại, dầu khí, điện với các nhà máy thủy điện lớn Hòa Bình, Sơn La, Trị An, Tuyên Quang, Lai

⁶⁹ Trong 30 năm đổi mới, Quốc hội đã ba lần sửa đổi và ban hành Hiến pháp, sửa đổi và ban hành trên 150 bộ luật và luật; Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành trên 70 pháp lệnh, tạo cơ sở pháp lý cho sự chuyển đổi và vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Châu và nhiều nhà máy nhiệt điện.

Văn hóa-xã hội có bước phát triển, bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Trong 30 năm đổi mới, Đảng ta đã ban hành 29 nghị quyết, kết luận, chỉ thị về văn hóa nói chung; về giáo dục, đào tạo; khoa học, công nghệ; báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật,... nói riêng. Những văn kiện đó đã thể hiện bước tiến về nhận thức lý luận của Đảng về văn hóa. Bầu không khí xã hội dân chủ, cởi mở hơn; dân trí được nâng cao; tính tích cực cá nhân và xã hội được phát huy. Những nhân tố mới, giá trị mới của văn hóa, con người Việt Nam từng bước được định hình trong đời sống. Quyền tự do sáng tạo, quảng bá văn hóa, văn học, nghệ thuật được tôn trọng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt tâm linh của nhân dân được quan tâm thực hiện. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới” và các phong trào xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa,... đạt được những kết quả tích cực. Nguồn lực của Nhà nước, của xã hội đầu tư cho văn hóa được nâng lên; hệ thống thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng, từng bước hoàn thiện và phát huy tác dụng⁷⁰. Giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa được mở rộng. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa có tiến bộ; các văn bản pháp lý, cơ chế, chính sách về văn hóa, con người từng bước được đổi mới, hoàn thiện; đội ngũ làm công tác văn hóa có bước trưởng thành.

Việc giải quyết các vấn đề xã hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng: Các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mỗi năm bình quân tạo ra 1,5-1,6 triệu việc làm mới. Đã tiến hành điều chỉnh chuẩn nghèo theo từng thời kỳ phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước. Chỉ số phát triển con người tăng lên, từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/177 nước tham gia xếp hạng. Thu nhập thực tế sau 10 năm gấp 3,5 lần so với năm 2000. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần năm 1999 xuống còn 2,09 lần năm 2004 và 2 lần năm 2008. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên hợp quốc đề ra cho năm 2015. Tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 1,5-2%/năm. Tỷ lệ nghèo của cả nước năm 1993 là 58% đến năm 2018 còn khoảng 6%. Đến năm 2018, hơn 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo 19 tiêu chí Chính phủ đề ra. Việt Nam đã đạt phổ cập trung học cơ sở. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam đã được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế công nhận, đánh giá cao. Chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có nhiều tiến bộ, coi trọng cả về xây dựng thể chế, y tế dự phòng, y học cổ truyền, quản lý thuốc, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Chính sách ưu đãi người có công đã được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Cả nước hiện có khoảng 8,8 triệu người có công, chiếm khoảng 10% dân số, có khoảng 1,4 triệu người được hưởng trợ cấp thường xuyên. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội toàn diện và đa dạng, ngày càng mở rộng và hiệu quả.

⁷⁰ Đến 2016, cả nước có 7.484 di tích văn hóa cấp tỉnh, 3.202 di tích văn hóa cấp quốc gia; 48 di tích văn hóa quốc gia đặc biệt, 8 di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO vinh danh là di sản thế giới; có gần 19.000 thư viện các cấp; 154 bản làng văn hóa; 5.429 nhà văn hóa các cấp; 786 cơ quan báo chí với 1.016 ấn phẩm, 4 đài truyền hình trung ương, 67 đài phát thanh - truyền hình tỉnh, thành phố.

Giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Phát triển và ngày càng hoàn thiện. Nhận thức ngày càng rõ hơn bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một trong hai nhiệm vụ chiến lược, có mối quan hệ biện chứng, không thể tách rời; trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, phải đồng thời coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Có xây dựng tốt mới tạo được sức mạnh cho bảo vệ Tổ quốc, có bảo vệ tốt mới tạo được điều kiện thuận lợi cho xây dựng đất nước. Nhận thức về kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ kinh tế với quốc phòng; quốc phòng với an ninh và đối ngoại ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn. Đảng khẳng định: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Nhận thức về vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với lực lượng vũ trang, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc ngày càng hoàn thiện. Nhận thức về đối ngoại quốc phòng và hội nhập quốc tế về quốc phòng có sự phát triển.

Việc kết hợp hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng khu kinh tế-quốc phòng có chuyển biến quan trọng; nhất là kết quả về hoàn thành phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ, phân định ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; từng bước hoàn thiện việc phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ với Lào, Campuchia. Những kết quả nói trên góp phần nâng cao thế và lực của đất nước, tăng cường sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại đạt nhiều thành tựu mới. Nhận thức chung của Đảng ta về thời đại, về thế giới và khu vực ngày càng rõ và đầy đủ hơn. Từ định hướng coi “đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại” từng bước chuyển sang đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại. Từ chủ trương “muốn là bạn” đến “sẵn sàng là bạn”, “là bạn, là đối tác tin cậy”, là “thành viên có trách nhiệm” của cộng đồng quốc tế. Đổi mới nhận thức về hợp tác và đấu tranh, từ quan niệm về địch, ta, chuyển sang cách nhìn nhận có tính biện chứng về đối tác và đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia-dân tộc trong từng hoàn cảnh cụ thể. Nhận thức thực tế hơn quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè truyền thống và quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, các nước lớn; đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu. Từ “phá thế bị bao vây, cấm vận” tiến đến “hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới”, và tiếp theo là “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” một cách toàn diện.

Đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc. Đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước. Nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp ngày càng tích cực, có trách nhiệm vào đời sống chính trị khu vực và thế giới, phát huy vai trò tích cực trong cộng đồng ASEAN. Việt Nam là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Ngày 7-6-2019, Đại hội đồng Liên hiệp quốc bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2020-2021 với số phiếu cao 192/193. Năm 1996, Việt Nam tham gia Diễn đàn kinh tế Á-Âu (ASEM). Ngày 14-11-1998, Việt Nam gia nhập tổ chức Hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC năm 2006 và năm 2017.

Cùng với việc tăng cường ngoại giao nhà nước, quan hệ đối ngoại đảng và ngoại giao nhân dân được mở rộng, đã nâng cao vị thế, uy tín của nước ta tại các diễn đàn đa phương. Quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam và Lào tiếp tục được củng cố và có những bước phát triển, ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu. Quan hệ Việt Nam-Campuchia được củng cố và tăng cường về nhiều mặt. Quan hệ với Trung Quốc có những bước tiến triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, thương mại. Đã ký Hiệp định biên giới trên bộ Việt Nam-Trung Quốc 1999, phân giải cấm mốc xong trên thực địa toàn tuyến biên giới; phê chuẩn Hiệp định phân định và Hiệp định hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ.

Nhận thức về xây dựng và phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ. Về xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa: Đảng đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn tầm quan trọng và vai trò của xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, khẳng định dân chủ là bản chất của chế độ, vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Đảng đã nhận thức rõ hơn cơ chế vận hành của hệ thống chính trị ở nước ta là: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, chú trọng phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước; thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xác định đây là một trong tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, vừa tiếp thu thành tựu của nhân loại về nhà nước pháp quyền, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm riêng của Việt Nam.

Đảng đã xác định rõ hơn, đầy đủ hơn bản chất của Đảng. Quy định rõ hơn vai trò, thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng. Đã xác định ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn nền tảng tư tưởng của Đảng. Tại Đại hội VII, Đảng khẳng định lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Qua các Đại hội, Đảng nhận thức rõ hơn khái niệm, nguồn gốc, nội dung, vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức rõ về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Nhận thức rõ yêu cầu đối với Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên. Xác định đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Thấy rõ hơn tính đồng bộ của công tác cán bộ: từ phát hiện, quy hoạch đến đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng, luân chuyển cán bộ,... Phương thức lãnh đạo của Đảng ngày càng được nhận thức rõ hơn qua các nhiệm kỳ đại hội. Xác định dân chủ trong Đảng là điều kiện, tiền đề để phát huy dân chủ trong xã hội, từ đó, đã xác định cần thật sự phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy cơ sở đến sinh hoạt của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; đồng thời giữ nghiêm kỷ luật đảng.

Những thành tựu chủ yếu nêu trên tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển trong những năm tới; khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Những thành tựu trên đây là do Đảng có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân ủng hộ, tích cực thực hiện. Đảng đã nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời nhạy bén, sáng tạo, kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách phù hợp cho từng giai đoạn cách mạng, khi tình hình thế giới và trong nước thay đổi. Đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đã nỗ lực phấn đấu, tận dụng thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện đường lối đổi mới. Sự nghiệp đổi mới được bạn bè quốc tế ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ.

Một số hạn chế: Thực tiễn phát triển công cuộc đổi mới cũng bộc lộ những hạn chế cần phải khắc phục. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn có một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

Nhiều vấn đề tiêu cực nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới tinh vi và thâm độc chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.

Về khách quan: Đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Tình hình thế giới và khu vực có những mặt tác

động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị.

Về chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng. Nhận thức và giải quyết tám mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.

Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế để kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai thực hiện, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi, bổ sung.

Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo được sự thông nhất cao về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bổ" trí cán bộ còn nể nang, cục bộ; chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế, chính sách để trọng dụng người có đức, có tài.

Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Đổi mới là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Quá trình đổi mới, bên cạnh những cơ hội, luôn xuất hiện những vấn đề mới, những khó khăn, thách thức mới, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân phải chủ động, không ngừng sáng tạo.

Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh ngày nay là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng đó là con đường hợp quy luật để có một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Sự nghiệp cách mạng đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải kiên định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng và không ngừng phát triển sáng tạo học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, làm cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình, hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới.

Kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Hai là, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân. Xa rời, đi ngược lợi ích của nhân dân, đổi mới sẽ thất bại.

Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Nhân dân là người làm nên những thành tựu của đổi mới. Đổi mới phải dựa vào nhân dân. Vì thế, đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân để nhân dân thật sự là chủ thể tiến hành đổi mới và thụ hưởng thành quả đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp khó khăn, phức tạp cần phải phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, cần phòng, chống đặc quyền, đặc lợi, chống suy thoái, biến chất.

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Thực tiễn đã chỉ rõ, phải đổi mới toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của địa phương và cơ sở.

Trong quá trình đổi mới phải tổ chức thực hiện quyết liệt với bước đi, hình thức, cách làm phù hợp, hiệu quả; khắc phục tình trạng nóng vội, chủ quan, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; đồng thời phải chủ động, năng động, không ngừng sáng tạo, khắc phục tình trạng bảo thủ, trì trệ, bỏ lỡ cơ hội phát triển.

Phải tôn trọng quy luật khách quan. Coi sự phát triển của thực tiễn là yêu cầu và cơ sở để đổi mới tư duy lý luận, đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phải xuất phát từ thực tiễn. Phải bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới.

Để dân tin, dân ủng hộ, dân tích cực thực hiện đường lối đổi mới, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra; kịp thời điều chỉnh, bổ sung các thể chế, thiết chế, cơ chế, chính sách không còn phù hợp, cản trở sự phát triển; thực hiện nói đi đôi với làm.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Luôn luôn coi lợi ích quốc gia-dân tộc là tối thượng. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Phát huy sức mạnh dân tộc là cơ sở để kết hợp sức mạnh thời đại, làm cho sức mạnh dân tộc mạnh hơn, dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Công cuộc đổi mới là sự nghiệp vĩ đại, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Tăng cường sự lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đến công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới.

Thường xuyên kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Sức mạnh của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng được bắt nguồn và nhân lên từ sức mạnh của nhân dân. Củng cố, bồi dưỡng quan hệ mật thiết giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, là vấn đề trọng đại, cấp thiết, có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng Việt Nam.

Với thành công của công cuộc đổi mới, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng rõ hơn. Rõ hơn về mục tiêu mô hình chủ nghĩa xã hội; rõ hơn về những hình thức tổ chức kinh tế, xã hội, chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; rõ hơn về nội dung bỏ qua chủ nghĩa tư bản (bỏ qua việc thiết lập kiến trúc thượng tầng và quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản) nhưng có thể kế thừa những thành quả mà nhân loại đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhất là kinh

nghiệm tổ chức, quản lý và sự phát triển của khoa học-công nghệ, đặc biệt cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới đã tạo thế và lực mới của đất nước. Khẳng định đó của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10-2016) cho thấy cơ sở vững chắc để Việt Nam có thể phát triển nhanh, bền vững, xứng đáng với lịch sử anh hùng, vẻ vang của Đảng và dân tộc.

KẾT LUẬN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử của Đảng, của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Đó là thời kỳ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đi tìm con đường cứu nước (1911-1920) và khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội và con người. Thời kỳ 1920-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, cùng với các chiến sĩ cách mạng tiên bối chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930, công bố Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng lãnh đạo các phong trào cách mạng rộng lớn (1930-1931); khôi phục tổ chức (1932-1935); phong trào đòi dân sinh, dân chủ (1936-1939); hoàn chỉnh đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền (1939-1945) dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, Đảng lãnh đạo Nhà nước và trở thành Đảng cầm quyền. Đảng lãnh đạo xây dựng, củng cố, bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng, xây dựng chế độ mới, cải thiện đời sống của nhân dân, xây dựng đời sống mới, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ chống sự xâm lược của thực dân Pháp (1945-1946). Đảng đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính và chỉ đạo cuộc kháng chiến toàn quốc toàn quốc từ tháng 12-1946, đánh bại các kế hoạch chiến tranh lớn của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ dẫn đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954), buộc Pháp ký Hiệp định Geneve (21-7-1954), các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản, độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia.

Thực dân Pháp rút hết quân về nước, đế quốc Mỹ thay thế thực dân Pháp, chiếm miền Nam Việt Nam (từ vĩ tuyến 17 về phía Nam) xây dựng chế độ thực dân kiểu mới, thông qua chính quyền tay sai, hòng chia cắt lâu dài nước Việt Nam, vi phạm và không thực hiện những điều khoản của Hiệp định Geneve về thống nhất nước Việt Nam vào năm 1956. Trong hoàn cảnh đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá độ đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời Đảng chủ động đề ra đường lối lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở miền Nam, tiến hành cuộc chống Mỹ, cứu nước nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954-1975 là Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện 2 chiến lược cách mạng, cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hai chiến lược cách mạng đó có mối quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với khát vọng của cả dân tộc là độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc.

Với sự toàn thắng của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (30-4-1975), đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất. Đảng đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng lại đất nước sau 30 năm kháng chiến lâu dài, gian khổ, đồng thời lại phải tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây-Nam và biên giới phía Bắc, thực hiện nghĩa vụ quốc tế, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng, hồi sinh đất nước, tiếp tục giúp đỡ cách mạng Lào. Những năm 1975-1986, Đảng từng bước đổi mới tư duy, đổi mới cơ chế, chính sách, khảo nghiệm thực tiễn để tìm con đường đổi mới đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện cả về cơ chế, chính sách kinh tế, hệ thống chính trị, các chính sách xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, thách thức cả ở trong nước và tác động quốc tế, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng đường lối đổi mới. Trên cơ sở đổi mới tư duy, tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* tại Đại hội VII của Đảng (6-1991). Cương lĩnh được bổ sung, phát triển năm 2011 tại Đại hội XI của Đảng. Thực hiện công cuộc đổi mới vừa bổ sung, phát triển đường lối đổi mới và Cương lĩnh vừa chú trọng những chủ trương, chính sách lớn về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đề ra và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, các chính sách xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng và thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng thế giới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Thành công của công cuộc đổi mới làm cho thế và lực của đất nước tăng lên, khẳng định con đường phát triển đúng đắn của dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam

Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thắng lợi đó đã đánh đổ chế độ thuộc địa của thực dân Pháp và phát xít Nhật gần một thế kỷ, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng ngàn năm, giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, xây dựng nền cộng hòa dân chủ, chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, tạo tiền đề để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc được mở ra, kỷ nguyên dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, được làm chủ đất nước và xã hội, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, thực hiện các quyền cơ bản

của con người. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị của thực dân, phát xít, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế. Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã kết hợp đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích của các giai cấp với lợi ích tối cao của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô viết Nghệ-Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

Cách mạng Tháng Tám thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của khát vọng độc lập, tự do và ý chí tự lực, tự cường, *quyết đem sức ta mà tự giải phóng cho ta* như lời kêu gọi tổng khởi nghĩa của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã nêu rõ. Đó là thắng lợi của đường lối cứu nước và sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh và vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng trong cả nước. Có được những cán bộ, đảng viên trung kiên, hy sinh, chiến đấu vì giải phóng dân tộc, vì cuộc sống của nhân dân, là thành công lớn trong xây dựng Đảng và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Cách mạng Tháng Tám thành công là kết quả của quá trình Đảng chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng, phát động và lãnh đạo cao trào cách mạng cứu nước, phát triển tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tạo ra thực lực cách mạng, phát triển sức mạnh trong nước để khi nhân tố bên ngoài thuận lợi xuất hiện, Nhật đầu hàng Đồng Minh, Đảng đã chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa. Triệt để tận dụng thời cơ đồng thời chủ động đẩy lùi nguy cơ: thực dân Pháp quay lại áp đặt sự cai trị như trước ngày 9-3-1945 và quân Đồng Minh kéo vào giải giáp quân Nhật và có ý đồ phá hoại nền độc lập của Việt Nam. Chớp đúng thời cơ và đẩy lùi nguy cơ là thành công nổi bật của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã xử lý thành công các mối quan hệ quốc tế với kẻ thù trực tiếp, với các nước Đồng Minh (Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc) với chiến lược rõ ràng và sách lược phù hợp bảo đảm cho cách mạng nổ ra và giành thắng lợi. “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”⁷¹.

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự, độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, kế thừa truyền thống

⁷¹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 25.

đánh giặc, giữ nước của dân tộc, Đảng đã phát triển phong phú các hình thức chiến tranh nhân dân, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, kết hợp kháng chiến với kiến quốc đã đưa kháng chiến đến thắng lợi với Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và ký kết Hiệp định Geneve.

Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước, Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Một đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm chia làm hai miền với hai chiến lược cách mạng khác nhau là đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam 1954-1975. Cùng với đường lối cách mạng, Đảng phải phát triển sáng tạo về phương pháp cách mạng. Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng: lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân. Tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao. Kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị. Đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận. Kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ. Thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ. Nắm vững phương châm chiến lược đánh địch lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đê bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng.

Đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng do Đảng đề ra và thể hiện phong phú trong chiến tranh cách mạng “đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cực kỳ to lớn” để đánh thắng thế lực đế quốc giàu mạnh nhất, hung bạo nhất trong thời đại ngày nay. Thực tiễn chiến tranh cách mạng ở Việt Nam chứng minh: “một dân tộc nước không rộng, người không đông, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác-Lênin có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược”⁷².

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cần nhận thức rõ, sự nghiệp đổi mới là kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đề ra là bước đổi mới quan trọng về tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của Karl Marx và

⁷² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tập 37, trang 489.

V.I.Lênin về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới cũng là kết quả của quá trình tổng kết, tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, từng bước khắc phục lối tư duy chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nóng vội và thấy rõ sự cần thiết phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Đường lối đổi mới dựa trên cơ sở sáng kiến, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân và do đó trở thành yêu cầu khách quan, tất yếu của cuộc sống.

Từ thực tiễn sôi động và hiệu quả thiết thực của quá trình đổi mới mà đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được bổ sung, phát triển. Đường lối đổi mới gắn liền với Đảng đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội các chặng đường 10 năm, gắn với quá trình cụ thể hóa, thể chế hóa thành những chính sách và hệ thống pháp luật.

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1996), đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và văn hóa tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại mở rộng, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc, quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: “Những thành tựu đó *tạo tiền đề*, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*”⁷³.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (1-2016) tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định những thành tựu, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nhất là công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn nhân lực được huy động; đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1-1994) nêu ra vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp, như tham nhũng, lãng phí, “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

⁷³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 66.

Nhìn lại 30 năm đổi mới, Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh một số bài học:

Trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam.

Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Phải đặt lợi ích quốc gia-dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi; kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Cũng cần nhấn mạnh, từ thực tiễn đổi mới, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn mà nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn. Sáng tỏ hơn về mục tiêu, mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với 8 đặc trưng mà Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã đề ra. Sáng tỏ hơn về chế độ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sáng tỏ hơn về những nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa*. Kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Việt Nam đã và đang kế thừa thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cách mạng công nghiệp lần thứ 2, lần thứ 3 và nhất là cách mạng công nghiệp lần thứ 4, cách mạng 4.0.

Lãnh đạo công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa với tầm nhìn chiến lược, định ra những mục tiêu chiến lược lâu dài khi đất nước kết thúc thời kỳ quá độ xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, vừa chú trọng những vấn đề bức thiết đang đặt ra để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đó là đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những quy luật và yêu cầu cao. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân,

thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Thực tiễn đổi mới, Đảng đã nhận thức và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam. “Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”⁷⁴. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh những mối quan hệ lớn đó tại Đại hội XII của Đảng.

Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

1. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Học thuyết cách mạng, khoa học Mác-Lênin soi sáng sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì con người, đó là chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp là hai cuộc giải phóng vĩ đại, quan hệ mật thiết với nhau như hai cánh chim. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930) xác định rõ mục tiêu: *Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập và để đi tới xã hội cộng sản*. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững và kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Cách mạng Tháng Tám 1945 đã giành được độc lập cho dân tộc, nhưng lại phải tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng chống xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vào ngày 30-4-1975 mới giành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975. Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đã đề ra, vì dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong

⁷⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 17-18.

thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động để nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân. Người mong muốn, cách mạng thành công thì *quyền giao cho dân chúng số nhiều*. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân; việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân phải hết sức tránh.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. từ khi thành lập (1930), Đảng đã xác định luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cương lĩnh của Đảng (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ, quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng. Ở mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong điều kiện hiện nay, Đảng đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng nhân dân. Thấm nhuần chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*. Trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học *lấy dân làm gốc*, Đảng chú trọng thực hiện phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đảng và các cơ quan nhà nước các cấp phải thật sự hiểu dân, tin dân, gần dân, bàn bạc với dân và thật sự vì dân.

3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848), Karl Marx và Friedrich Engels đã nêu rõ khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại*. Đầu thế kỷ XX, V.I.Lenin và Quốc tế Cộng sản bổ sung: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại*. Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nêu cao ngọn cờ dân tộc, lợi ích quốc gia, dân tộc. Đại

đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người coi giữ gìn đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung, Khép lại quá khứ, xóa bỏ định kiến, hận thù, mặc cảm, hướng tới tương lai. Đại đoàn kết dân tộc, nhân dân luôn luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tôn trọng quyền con người, quyền và trách nhiệm công dân. Trong lịch sử, Đảng đã chú trọng xây dựng các tổ chức Mặt trận, các đoàn thể để đoàn kết toàn dân, ngày nay, tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội.

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Chủ nghĩa Mác-Lênin mang bản chất quốc tế, cách mạng của giai cấp vô sản không chỉ giải phóng giai cấp lao động trong một nước mà giải phóng toàn nhân loại. Đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau giữa các cuộc cách mạng và nhân dân các nước là yêu cầu khách quan tất yếu. Trong thế giới hiện đại, nhiều vấn đề không thể giải quyết trong phạm vi một nước mà cần đến sự hợp tác quốc tế. Hồ Chí Minh là lãnh tụ dân tộc, lãnh tụ của Đảng đồng thời là chiến sĩ quốc tế. Người thấy rõ sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁷⁵. Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo nên nhân tố quyết định thắng lợi.

Cách mạng Tháng Tám 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phát xít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài bao gồm cả viện trợ, cho vay và đầu tư trực tiếp. Tích cực, chủ động hợp tác với các nước, hội nhập quốc tế, tạo cả thế và lực để phát triển đất nước. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Việt Nam là bạn, là đối tác tin

⁷⁵ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, trang 320.

cây và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đã tạo được sự hội nhập thành cộng đồng thời vẫn giữ vững độc lập, tự chủ và con đường phát triển của đất nước.

5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng Cộng sản-đội tiên phong của giai cấp vô sản. Đảng Cộng sản phải được trang bị lý luận tiên phong, khoa học, có Cương lĩnh chính trị rõ ràng, được tổ chức theo những nguyên tắc cơ bản và với kỷ luật chặt chẽ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, Đảng không có chủ nghĩa (lý luận) cũng giống như người không có trí khôn. Đảng phải hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước vì hạnh phúc của nhân dân. Người nhấn mạnh, Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng. Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đề ra 23 điều về tư cách người cách mệnh. Năm 1947, Người đề ra 12 điều về tư cách của một Đảng chân chính cách mạng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Không ngừng phát triển, bổ sung Cương lĩnh chính trị, đường lối, nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, đồng thời chú trọng các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tự phê bình và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chú trọng công tác cán bộ, coi cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Rèn luyện đạo đức cách mạng là nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo. Đảng lãnh đạo bằng đường lối và những quyết sách đúng đắn và thông qua hệ thống tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị; thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên trên tất cả các lĩnh vực nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng. Chú trọng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và không ngừng làm rõ những vấn đề đặt ra trong khoa học lãnh đạo quản lý.

Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo của Đảng cầm quyền, Đảng không ngừng đổi mới, tự chỉnh đốn; phòng ngừa, đẩy lùi nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân và cả nguy cơ suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (30-10-2016) đã ban hành Nghị quyết *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn liền với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị (15-5-2016) về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (25-10-2017) về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII (19-5-2018) về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, thật sự làm cho Đảng vững mạnh, tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo xã hội và Nhà nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

Đảng không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đó là truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng vì lý tưởng cách mạng cao cả, vì nước, vì dân, với sự hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, đảng viên kiên trung của Đảng. Truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thống nhất nhận thức, ý chí và hành động. Truyền thống tự phê bình, phê bình nghiêm túc và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém. Truyền thống gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Truyền thống rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao bản lĩnh tự vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tôn vinh sự hy sinh anh dũng của các thế hệ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, của đồng bào cả nước trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo. Các nhà lãnh đạo tiêu biểu của Đảng đã anh dũng hy sinh như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Châu Văn Liêm, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, Tô Hiệu, Hoàng Văn Thụ và nhiều đồng chí khác. Rất nhiều tấm gương hy sinh của chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi vì lý tưởng và con đường cách mạng của Đảng và dân tộc như: Lý Tự Trọng, Nguyễn Hoàng Tôn, Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Trần Văn Ôn, Lê Bình, Mạc Thị Bưởi, Bùi Thị Cúc, Nguyễn Thị Lợi, Cù Chính Lan, Phan Đình Giót, Bé Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân, Bùi Ngọc Dương, Lê Thị Riêng, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thị Út (Út Tịch), Quách Thị Trang, Nguyễn Phan Vinh, Lê Thị Hồng Gấm, Nguyễn Thái Bình, Phạm Ngọc Thảo, Vũ Xuân Thiều, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, Lê Đình Chinh, Hoàng Thị Hồng Chiêm và nhiều tấm gương kiên cường khác.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (30-10-2016) khẳng định:

“Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hy sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta-Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng”⁷⁶.

⁷⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 20.